

Số: 191 /BC-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

**Đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021 - 2030**

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Hiến pháp năm 2013, Khoản 5 Điều 70 trong đó có nêu “Quốc hội quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước”;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng;

Căn cứ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 12 tháng 03 năm 2003 về công tác dân tộc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IX, Hội nghị lần thứ 7; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, trong đó có nêu “ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội khóa XIV về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội khóa XIV về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2023/QH15 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 219/NQ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc thông qua Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra sơ bộ số 1404/BC-HĐDT15 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng Dân tộc khóa XV về Tờ trình số 698/TTr-CP của Chính phủ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về thông qua Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 đã hoàn thiện sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra sơ bộ của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội.

Chính phủ đề xuất với Quốc hội điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (gọi tắt là Chương trình) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên Chương trình

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

2. Chủ Chương trình

Ủy ban Dân tộc.

3. Địa bàn thực hiện Chương trình

Chương trình thực hiện ở địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Thời gian thực hiện Chương trình

Thời gian thực hiện Chương trình: 10 năm, chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.
- Giai đoạn II: Từ năm 2026 đến năm 2030.

5. Kinh phí thực hiện Chương trình:

Tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, tối thiểu là 137.664 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 104.954 tỷ đồng.
- Ngân sách địa phương: 10.016 tỷ đồng.
- Vốn tín dụng chính sách: 19.727 tỷ đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác: 2.967 tỷ đồng.

6. Các Dự án thành phần

(1) Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

(2) Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.

(3) Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

(4) Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.

(5) Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

(6) Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch;

(7) Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

(8) Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

(9) Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.

(10) Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

7. Các cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình

Ủy ban Dân tộc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

II. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH

1. Căn cứ, cơ sở điều chỉnh chủ trương đầu tư

a) Cơ sở chính trị

- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tại mục VIII- QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI BỀN VỮNG, BẢO ĐẢM TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI ghi "... triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2020 - 2030".

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, tại mục V-PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ghi *“Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện các chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, cùng phát triển. Quan tâm phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”*.

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12 tháng 03 năm 2003 về công tác dân tộc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IX, Hội nghị lần thứ 7; Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới.

b) Cơ sở pháp lý

- Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019.

- Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội khóa XIV phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

- Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội khóa XIV phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tại khoản 2, Điều 14 - Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch, ghi *“...tạo sinh kế, việc làm, sắp xếp ổn định dân cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là vùng biên giới. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”*.

- Nghị quyết số 100/2023/QH15 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV, tại mục 2.2 Đối với lĩnh vực dân tộc *“Trong năm 2023, nghiên cứu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh một số mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn, tránh lãng phí, tiêu cực”*.

c) Cơ sở thực tiễn

- Báo cáo kết quả làm việc của Đoàn Giám sát của Quốc hội khóa XV với Chính phủ và các địa phương về tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

- Kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương tại các Hội nghị của Ban chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong thời gian vừa qua.

- Báo cáo số 511/BC-CP ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ về kết quả 03 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Kiến nghị của cử tri và đại biểu Quốc hội tại các kỳ họp Quốc hội.

2. Sự cần thiết và tính cấp bách phải điều chỉnh chủ trương đầu tư

Chương trình được phê duyệt chủ trương đầu tư theo Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước dành cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đây là chương trình MTQG mới, gồm nhiều dự án, tiểu dự án thành phần với sự tham gia của nhiều bộ, ngành, cơ quan trung ương cùng tham gia chủ trì, quản lý các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương đã ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện. Với sự quan tâm của toàn bộ hệ thống chính trị, thời gian vừa qua Chương trình đã được triển khai tại các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bước đầu tạo được những tác động tích cực tới đời sống của người dân, đặc biệt là ở khu vực các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện phát sinh một số khó khăn, vướng mắc, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân và kết quả thực hiện Chương trình, cần thiết phải đề xuất điều chỉnh một số nội dung tại chủ trương đầu tư Chương trình, cụ thể như sau:

Một là, theo điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 120/2020/QH14 quy định: "*Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025*". Tuy nhiên nguồn vốn thực hiện Chương trình gồm vốn đầu tư và vốn sự nghiệp dẫn đến lúng túng trong quá trình lập kế hoạch, phân bổ, lồng ghép nguồn vốn thực hiện Chương trình, do vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình chưa được quy định tại Nghị quyết số 120/2020/QH14. Việc điều chỉnh nguồn vốn thực hiện Chương trình vượt thẩm quyền của Chính phủ, do vậy Ủy ban Dân tộc tham mưu cho Chính phủ đề nghị Quốc hội xem xét điều chỉnh nguồn vốn thực hiện Chương trình là "*Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kinh phí sự nghiệp được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo các nghị quyết của Quốc hội về phân bổ dự toán ngân sách trung ương hằng năm và các quy định hiện hành*".

Hai là, một số bộ, ngành, địa phương đề nghị điều chỉnh để tháo gỡ khó khăn về đối tượng tham gia thực hiện Chương trình tại các dự án Dự án 4, Dự án 5, Dự án 6, Dự án 7 đang được triển khai chưa được quy định tại Nghị quyết số 120/2020/QH14, cụ thể như sau:

Tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình quy định đối tượng Chương trình theo quy định của Nghị quyết số 88/2019/QH14 gồm: "*Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hộ*

gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn”.

Trong thực tiễn triển khai thực hiện Chương trình một số đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực dân tộc; các trường phổ thông dân tộc nội trú (riêng đối với các trường phổ thông dân tộc bán trú, đa số đóng trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN, đã được thụ hưởng chính sách từ Chương trình, không gặp phải những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình); các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; một số Trung tâm y tế huyện, bệnh viện tuyến huyện có vai trò quan trọng và trực tiếp tác động đến các chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình như: phát triển nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức nêu trên khi tham gia thực hiện nhiệm vụ của Chương trình với tính chất, vai trò phục vụ cho đối tượng chính thụ hưởng chính sách là người dân vùng đồng bào DTTS&MN, con em đồng bào dân tộc thiểu số cần phải được nhà nước đầu tư, hỗ trợ bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và các điều kiện khác để tổ chức hoạt động. Qua rà soát của các địa phương, thực tế hiện nay điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực và các điều kiện khác để bảo đảm hoạt động của các đơn vị nêu trên còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn rất cần có sự đầu tư, hỗ trợ của nhà nước. Mặt khác một số cơ quan, đơn vị, tổ chức nêu trên chưa được quy định rõ tại chủ trương đầu tư Chương trình (có trụ sở đóng ngoài địa bàn vùng DTTS&MN), dẫn đến một số khó khăn trong việc lập, thẩm định kế hoạch bố trí vốn, thanh quyết toán trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Vì vậy việc đề xuất với Quốc hội điều chỉnh làm rõ hơn đối tượng tham gia nhiệm vụ của Chương trình là cần thiết và cấp bách để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình đề ra, cụ thể:

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực công tác dân tộc

- Quan điểm, chủ trương của Đảng

Tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã xác định *“Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, người tiêu biểu có uy tín trong cộng đồng các dân tộc”.*

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12 tháng 03 năm 2003 về công tác dân tộc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IX, Hội nghị lần thứ 7, trong đó xác định rõ quan điểm: *“quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất...”.*

Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, đã xác định:

+ “*Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. ...Đổi mới phương thức tuyển sinh theo hướng cử tuyển, chế độ dự bị đại học, đào tạo nghề cho đối tượng người dân tộc thiểu số*”.

+ “*Nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của người dân. Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở ở từng vùng, từng địa phương; quan tâm tu bổ, bảo tồn các công trình di tích lịch sử, văn hoá; sưu tầm, bảo tồn và phát huy có hiệu quả giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số*”.

- Căn cứ, cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, có ghi:

+ Điểm a (mục tiêu đến năm 2025) khoản 2 Điều 1: “*phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa;*”.

+ Điểm b khoản 2 Điều 1: “*Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ*”; “*Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc*”.

+ Mục (4) điểm a khoản 4 Điều 1: “*Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc*”.

+ Mục (5) điểm a khoản 4 Điều 1: “*Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*”.

+ Mục (6) điểm a khoản 4 Điều 1: “*Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch*”.

Theo điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 88/2019/QH14 xác định rõ nội dung Dự án 4 của Chương trình có tên cụ thể là: “*Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc*”. Nội dung đầu tư các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực công tác dân tộc cũng đã được Chính phủ trình Quốc hội tại Báo cáo số 249/BC-CP ngày 21 tháng 5 năm 2020 về Đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020.

- Cơ sở thực tiễn:

Các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành riêng cho con em đồng bào dân tộc thiểu số này là một chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước ta. Đây chính là bằng chứng của sự quan tâm chăm lo tới chất lượng nguồn nhân lực

chất lượng cao của cộng đồng các dân tộc thiểu số, thể hiện sự ưu việt của hệ thống chính sách dân tộc, là một trong các khâu đột phá để phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng đồng bào DTTS&MN. Mặt khác, hệ thống các trường này đã và đang đào tạo rất nhiều cán bộ quản lý, lãnh đạo là người dân tộc thiểu số cho cả các cơ quan trung ương và các địa phương, trong đó có cả các cán bộ chủ chốt của đất nước. Đây cũng chính là một trong những mục tiêu quan trọng nhất liên đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo đúng nội dung Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới. Đây cũng là một trong những mục tiêu quan trọng của Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030 đã được Quốc hội phê duyệt tại Điều 1, Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019.

- Về quy hoạch, kế hoạch phát triển của các đơn vị, cơ sở trong hệ thống giáo dục, đào tạo:

+ Trường phổ thông Vùng cao Việt Bắc: Trường được thành lập theo Quyết định số 1134/QĐ ngày 9/7/1976 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo). Từ khi thành lập đến nay, trường đã đào tạo được hơn 50.000 học sinh là con em của 32 DTTS thuộc 21 tỉnh miền núi từ Quảng Bình trở ra, trong đó có hơn 600 học sinh DTTS rất ít người như: Ngái, Lự, Mảng, Si La, Cơ Lao, La Chí, La Hủ, Cống, Pu Páo, Bô Y... Nhiều em đã trở thành kỹ sư, bác sĩ, nhà khoa học, cán bộ lãnh đạo quản lý làm việc ở Trung ương và địa phương, đóng góp công sức của mình vào công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ vùng biên giới, hải đảo xa xôi của Tổ quốc.

Định hướng phát triển trong thời gian tới: Tạo nguồn cán bộ chất lượng cao là người dân tộc thiểu số thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, kém phát triển cho các tỉnh miền núi. Xây dựng thành trường Phổ thông Dân tộc nội trú trọng điểm chất lượng cao, đào tạo và bồi dưỡng chuyên sâu cho các bộ môn văn hóa mũi nhọn. Là môi trường giáo dục toàn diện xây dựng nhà trường thành môi trường giáo dục lý tưởng để học sinh DTTS rèn luyện hoạt động giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ và kỹ năng sống.

+ Trường Dự bị Đại học dân tộc Trung ương: Trường được thành lập theo Quyết định số 214/CP ngày 26/11/1975 của Hội đồng Bộ trưởng. Qua 47 khóa đào tạo, bồi dưỡng, trường đã đào tạo được 20.573 học sinh DBĐH vào học các trường đại học.

Định hướng phát triển trong thời gian tới: Xây dựng trường trở thành trường Dự bị đại học và Dân tộc nội trú trọng điểm vùng nhằm tạo nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN với 02 hệ: Hệ THPT chất lượng cao dành cho học sinh thuộc nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; hệ bồi dưỡng dự bị đại học theo định hướng nhóm ngành, cụ thể: Từ năm học 2023 - 2024 thực hiện tuyển sinh lớp 10 hệ phổ thông dân tộc nội trú cấp THPT; đề xuất triển khai thí điểm tuyển sinh bổ sung học sinh phổ thông cùng học với học sinh dân tộc nội trú nhằm xây dựng môi trường học tập, giao lưu văn

hóa đa sắc màu giữa học sinh người dân tộc thiểu số với học sinh người Kinh, qua việc tuyển sinh bổ sung cũng giúp trường từng bước tự chủ một phần tài chính theo mục tiêu của Nghị định số 60/2021/NĐ - CP¹ ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Đến năm 2030 nhà trường từng bước mở rộng đào tạo hệ phổ thông dân tộc nội trú chất lượng cao và bồi dưỡng trọng điểm hệ dự bị đại học theo định hướng nhóm ngành; tiến tới phát triển trường trở thành trường nội trú trọng điểm vùng vào năm 2030 với quy mô 2.500 học sinh đào tạo mỗi năm.

+ Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn: Trường được thành lập theo quyết định số 3885/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 24/7/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ khi thành lập (2003) đến nay, trường đã bồi dưỡng được 10.295 học sinh người DTTS trong cả nước.

Định hướng phát triển trong thời gian tới: Bên cạnh công tác bồi dưỡng văn hóa dự bị đại học, bồi dưỡng kỹ năng cho học sinh người dân tộc thiểu số, trường đã có kế hoạch, đề án đào tạo hệ THPT nội trú trọng điểm, bồi dưỡng văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ cho đối tượng khác là người dân tộc thiểu số.... Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giáo viên hiện có và khả năng đầu tư của Chương trình, trường đề xuất quy mô đào tạo bồi dưỡng như sau:

Giai đoạn 2021 - 2025: Quy mô 1.000 - 1.500 học sinh, trong đó: Hệ DBĐH: 600 - 800 học sinh; Hệ trung học phổ thông dân tộc nội trú: 200 - 400 học sinh; Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: 200 - 300 học viên; Giai đoạn 2026 - 2030: Quy mô 1.500 - 2.000 học sinh, trong đó: Hệ dự bị đại học: 600 - 800 học sinh; Hệ trung học phổ thông dân tộc nội trú: 400 - 600 học sinh; Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: 500 - 600 học viên.

+ Trường Dự bị Đại học trung ương Nha Trang: Trường được thành lập theo Quyết định số 240/CP ngày 06/12/1976 của Hội đồng Chính phủ. Từ khi thành lập đến nay, trường đã đào tạo: 14.472 học sinh được chuyển vào các trường đại học, học viện, cao đẳng; gần 100% học sinh là người DTTS.

Định hướng phát triển trong thời gian tới: Khi cơ sở mới được đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng, dự kiến quy mô đào tạo cho 1.000 - 1500 học sinh; đề xuất giao thêm nhiệm vụ đào tạo học sinh bậc trung học phổ thông dân tộc nội trú.

+ Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh: Trường được thành lập theo Quyết định số 240/CP ngày 06 tháng 12 năm 1976 của Hội đồng Chính phủ. Kể từ khi thành lập đến nay, trường đã đào tạo được 17.355 học sinh, trong đó: Dự bị đại học chính quy: 11.537 học sinh; dự bị đại học dân tộc: 12.706 học sinh (đại học: 9.150, cao đẳng: 1.514 học sinh, trung cấp chuyên nghiệp: 524 học sinh); cử tuyển: 2.918 học sinh, học sinh diện huyện 30a: 260 học sinh và lưu học sinh: 1.471 học sinh.

Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025: 1.000 -1.600 học sinh, trong đó: Đào tạo hệ dự bị đại học gồm: hệ dự bị đại học dân tộc, hệ dự bị đại học cử tuyển,

¹ Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

hệ dự bị đại học tuyển thẳng theo Nghị quyết 30a của Chính phủ từ 500 - 700 học sinh; Hệ dạy tiếng Việt và hệ dự bị đại học cho lưu học sinh nước ngoài từ 200 - 300 học sinh; Hệ THPT dân tộc nội trú: 100 - 300 học sinh, Hệ THPT dân tộc nghề: 200 - 300 học sinh.

+ Trường Hữu Nghị T78: Trường được thành lập theo Quyết định số 791/BGD ngày 25/6/1980 của Bộ Giáo dục về việc thành lập trường Bổ túc văn hóa Hữu nghị: từ năm 1995 đến nay qua 27 khóa, đào tạo được 67 giáo viên cầm bản có bằng y tá, hơn 7.000 học sinh THPT, góp phần nâng cao dân trí cho con em đồng bào DTTS, thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Định hướng phát triển trong thời gian tới: Nhà trường tiếp tục nâng cao, phát triển hơn nữa về cơ sở vật chất, chất lượng và số lượng đào tạo, xây dựng và phát triển thành trường đạt chuẩn quốc gia, tuyển sinh từ 500 - 700 học sinh dân tộc thiểu số/năm học; 250 - 300 lưu học sinh Lào mỗi khóa. Đóng góp nhiều hơn nữa vào sự nghiệp nâng cao dân trí, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước trong thời kì hội nhập và phát triển.

+ Trường Hữu Nghị 80: Trường được thành lập theo Quyết định số 282/QĐ ngày 04/3/1980 của Bộ Giáo dục (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, trường đã có nhiều đóng góp cho công tác đào tạo nguồn nhân lực cho hai nước bạn Lào, Campuchia và nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi, hải đảo. Đã có 9.000 học sinh các dân tộc Việt Nam và gần 4.000 lưu học sinh Lào, hơn 3.000 lưu học sinh Campuchia.

Định hướng phát triển trong thời gian tới: Ổn định cơ cấu tổ chức bộ máy để thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với tình hình mới hiện nay. Là cơ sở đào tạo tiếng Việt, trường phổ thông dân tộc nội trú trọng điểm có uy tín, chất lượng cao; là địa chỉ tin cậy để học sinh ba nước được giáo dục, nuôi dưỡng, rèn đức, luyện tài, phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, trở thành những công dân hữu ích, tạo nguồn đào tạo cán bộ cho Việt Nam, Lào, Campuchia; là trung tâm văn hóa, nơi bồi dưỡng lưu học sinh - học sinh ba nước trở thành những sợi dây tình cảm là cầu nối vun đắp tình đoàn kết, hữu nghị giữa Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia, Việt Nam - Lào - Campuchia.

+ Trường Đại học Tây Bắc: Nhà trường luôn duy trì số lượng người học dao động trong khoảng 5.000 sinh viên, học viên, học sinh các hệ đào tạo, trong đó có khoảng 634 Lưu học sinh của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, đặc biệt số sinh viên là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ trên 80%.

+ Trường Đại học Tây Nguyên: Định hướng phát triển khoa Y Dược thành trường Đại học Y Dược đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép tại Quyết định số 1951/QĐ-TTg ngày 02/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề các tỉnh Tây Nguyên và huyện miền núi của các tỉnh giáp Tây Nguyên giai đoạn 2011-2015. Việc đầu tư xây dựng Khoa Y Dược trường Đại học Tây Nguyên là dự án quan trọng, mang tính cấp thiết cần hoàn thiện sớm để có đủ điều kiện đào tạo số lượng học viên đang học tại Khoa và tuyển sinh thêm theo nhu

cầu học của con em tại địa phương, đặc biệt là con em đồng bào DTTS vì điều kiện khó khăn không thể nhập học ở các thành phố lớn theo chuyên ngành y dược và các em người đồng bào DTTS theo dạng cử tuyển, liên kết đào tạo.

+ Trường Đại học Tân Trào: là cơ sở đào tạo đại học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các tỉnh lân cận khu vực miền núi phía Bắc. Sau 7 năm nâng cấp thành đại học (theo Quyết định số 1404/QĐ-TTg ngày 14/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ), Trường Đại học Tân Trào đã nỗ lực vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình và đã có những thay đổi căn bản, đang từng bước vươn lên đáp ứng nhu cầu đào tạo phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hiện tại, Trường có 07 khoa chuyên môn, 05 trung tâm, 01 phòng khám đa khoa và 01 trường phổ thông liên cấp; thực hiện đào tạo 19 ngành trình độ Cao đẳng, 22 ngành trình độ Đại học, liên kết đào tạo tất cả các ngành theo nhu cầu của người học. Trong chiến lược phát triển của trường từ nay đến năm 2030, dự kiến sẽ mở thêm 10 ngành hệ Đại học, 05 ngành Thạc sĩ; khu vực tuyển sinh của nhà trường hiện nay chủ yếu là các tỉnh miền núi phía Bắc như: Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Yên Bái, Phú Thọ, Lào Cai,... Tổng số sinh viên hằng năm của trường khoảng 3.000 sinh viên, trong đó trên 70% sinh viên là người dân tộc thiểu số. Tuyên Quang là tỉnh miền núi còn khó khăn, nguồn thu ngân sách mới đáp ứng được khoảng 20% tổng chi ngân sách; hầu hết các nguồn đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế, kỹ thuật của tỉnh đều nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương. Do đó, nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu. Để Trường Đại học Tân Trào phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tiếp theo, ngang tầm với các trường đại học trong khu vực và cả nước, góp phần thúc đẩy sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang và các tỉnh khu vực Đông Bắc, Tây Bắc cũng như cả nước, đòi hỏi phải có những giải pháp đột phá với nguồn lực đầu tư đủ mạnh cho sự phát triển của Nhà trường gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang nói riêng và khu vực trung du miền núi phía Bắc nói chung.

b) Các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT)

- Quan điểm của Đảng và cơ sở pháp lý

Tại Kết luận số 65-KL/TW ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới, đã nêu: “Ưu tiên nguồn lực nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa phải được kiên cố hoá...”, “Nâng cao chất lượng và mở rộng hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú...”; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, đã nêu mục tiêu tổng quát: “Phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người

dân tộc thiểu số”; Khoản 2 Điều 61 Luật Giáo dục 2019, đã quy định: “Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học được ưu tiên bố trí giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị và ngân sách”.

- Cơ sở thực tiễn và mức độ đáp ứng nhu cầu thực tế hiện nay:

Hiện nay, toàn quốc có 317 trường PTDTNT với quy mô khoảng 105.000 học sinh DTNT (bao gồm cả 02 trường Hữu nghị T78; trường Hữu nghị 80 trực thuộc Bộ GDĐT và trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc trực thuộc UBND thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh DTNT); khoảng 59% số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Tuy nhiên hầu hết các trường PTDTNT được đầu tư từ những năm 90 của thế kỷ trước hoặc tiếp quản, sử dụng lại cơ sở vật chất của các cơ quan đơn vị giải thể, sáp nhập. Do đó, cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, quản lý, giáo dục, chăm sóc nuôi dưỡng học sinh DTNT chưa đồng bộ, nhiều hạng mục xuống cấp trầm trọng nhất là nhà ở của học sinh DTNT, nhiều hạng mục chưa được đầu tư (phòng học bộ môn, nhà đa năng, nhà ở HS, công trình vệ sinh, nước sạch, sân chơi, bãi tập, hệ thống thoát nước, tường bao...). Nhiều trường được công nhận đạt chuẩn từ những giai đoạn trước, so với điều kiện, tiêu chuẩn của giai đoạn hiện nay là vẫn còn nợ chuẩn về “cơ sở vật chất”. Đặc biệt, cơ sở vật chất của các trường PTDTNT đang rất khó khăn, hạn chế để đáp ứng yêu cầu của đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 và công tác quản lý, giáo dục, chăm sóc nuôi dưỡng học sinh DTNT. Việc đầu tư cho các trường PTDTNT (có trụ sở thuộc hoặc không thuộc xã thôn vùng đồng bào DTTS&MN) là đảm bảo cơ hội, điều kiện được tiếp cận giáo dục công bằng và chất lượng cho con em các dân tộc, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, nâng cao dân trí góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hiệu quả khi các trường PTDTNT có trụ sở không nằm trên địa bàn xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN được đầu tư đối với đồng bào dân tộc thiểu số

Qua rà soát hiện nay có 101 trường PTDTNT thuộc 39 tỉnh/TP trực thuộc trung ương (chiếm 31,84% số trường PTDTNT của các địa phương) có trụ sở nằm ngoài địa bàn xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN. Nếu đảm bảo căn cứ pháp lý để các địa phương xem xét phê duyệt các dự án, phân bổ vốn đầu tư cho các trường PTDTNT (bao gồm cả các trường có trụ sở nằm ngoài địa bàn xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN) sẽ thúc đẩy tiến độ giao vốn, tỷ lệ giải ngân đầu tư công của Tiểu dự án 1 - Dự án 5 nói riêng, của Chương trình nói chung. Việc đầu tư được triển khai, cơ sở vật chất tại 101 trường PTDTNT được tăng cường sẽ đảm bảo cho khoảng 35.000 học sinh DTNT (trong đó đa số là học sinh người DTTS sinh sống tại địa bàn xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN) được thụ hưởng các điều kiện cơ bản về giáo dục chất lượng, an toàn và thân thiện; góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu của đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, mục tiêu tạo nguồn đào tạo nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Qua đó, ngày càng củng cố

lòng tin của đồng bào các dân tộc về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với công tác dân tộc.

c) Các Trung tâm y tế huyện, bệnh viện của huyện có xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Quan điểm của Đảng và cơ sở pháp lý

Đồng bào DTTS thường sinh sống ở những nơi có điều kiện địa lý phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, khí hậu khắc nghiệt, tạo nên thách thức lớn trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người dân. Vì vậy, công tác y tế ở nơi đây còn khoảng cách không nhỏ so với mặt bằng chung của cả nước. Trong những năm qua, với nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nỗ lực của các cấp, các ngành thì công tác y tế và sức khỏe đồng bào DTTS và miền núi đã từng bước được cải thiện. Mặc dù vậy, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi vẫn còn nhiều hạn chế: chất lượng công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe tuyến y tế cơ sở còn hạn chế, yếu kém; chất lượng dân số chưa đáp ứng được yêu cầu, công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em và dinh dưỡng còn bất cập.

+ Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, đã yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể nhân dân các cấp tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TW nhằm phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó bao gồm các nội dung chủ yếu liên quan đến nâng cao tỷ lệ khám, chữa bệnh và chất lượng dịch vụ y tế tuyến cơ sở, mở rộng bao phủ bảo hiểm y tế cho đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng và thực hiện chiến lược về phòng, chống suy dinh dưỡng ở trẻ em, nâng cao sức khỏe, tầm vóc thanh, thiếu niên dân tộc thiểu số...

+ Ngày 18/11/2019 Quốc hội khóa XIV ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Ngày 15/2/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 12/NQ-CP triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, trong đó giao cho Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các nhiệm vụ, giải pháp "*Nâng cao tỷ lệ khám, chữa bệnh và chất lượng các dịch vụ y tế, nhất là khám, chữa bệnh ban đầu ở tuyến cơ sở; phát triển y học dân tộc kết hợp với y học hiện đại; đẩy mạnh phát triển y tế dự phòng. Thực hiện các giải pháp đồng bộ tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận dịch vụ y tế, khám, chữa bệnh ở tuyến Trung ương thông qua chính sách bảo hiểm y tế...*".

+ Ngày 25/10/2023 Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 25-CT/TW về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới. Trong đó đề ra nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm "*Tăng cường đầu tư cho y tế cơ sở*".

- Cơ sở thực tiễn

Y tế cơ sở ở nước ta hiện nay bao gồm: Y tế thôn, bản, xã, phường, thị trấn, quận, huyện, thị xã, là tuyến y tế ban đầu gần dân nhất, bảo đảm cho mọi người dân được chăm sóc sức khỏe cơ bản với chi phí thấp nhất và hiệu quả nhất. Mạng lưới y tế cơ sở ngày càng có vai trò quan trọng trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, thực hiện các nội dung của chăm sóc sức khỏe ban đầu, các chương trình, dự án về y tế, nhất là việc khám, chữa bệnh cho người dân khu vực dân tộc và miền núi.

Trung tâm y tế tuyến huyện có vai trò rất quan trọng trong hoạt động của y tế cơ sở, trong đó có 03 Trung tâm y tế tuyến huyện thuộc diện đầu tư của Chương trình không nằm trên địa bàn vùng DTTS&MN đang phục vụ trực tiếp 42 xã vùng đồng bào DTTS&MN: Trung tâm y tế huyện Quỳnh Hợp (20 xã), tỉnh Nghệ An; Trung tâm y tế huyện Trà Bồng (13 xã), tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Y tế huyện M'Drắk (9 xã), tỉnh Đắk Lắk. Đối với các địa bàn miền núi, vùng sâu vùng xa, khoảng cách địa lý xa giữa tuyến huyện và tuyến tỉnh thì việc đầu tư cho Trung tâm y tế huyện có xã vùng đồng bào DTTS&MN là rất cấp thiết và cấp bách, hạn chế các ca biến chứng, tử vong.

Trong những năm qua, Trung tâm y tế tuyến huyện đã được quan tâm, đầu tư. Tuy nhiên, một số Trung tâm y tế huyện đã xuống cấp. Các tỉnh, huyện nghèo thiếu kinh phí để mua sắm trang thiết bị y tế thiết yếu. Trong khuôn khổ Chương trình và trên cơ sở báo cáo đề xuất của các địa phương chỉ lựa chọn đầu tư một số Trung tâm y tế, bệnh viện huyện vùng miền núi thật sự khó khăn, khoảng cách địa lý khó khăn với tuyến tỉnh để người dân có thể thụ hưởng dịch vụ y tế có chất lượng, hiện đại gần nơi mình sinh sống.

Thực tiễn triển khai thực hiện, một số trung tâm y tế, bệnh viện tuyến huyện có vai trò quan trọng, trực tiếp phục vụ cho đối tượng chính thụ hưởng chính sách là người dân vùng đồng bào DTTS&MN, con em đồng bào DTTS cần phải được nhà nước đầu tư, hỗ trợ bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và các điều kiện khác để tổ chức hoạt động. Tuy nhiên, một số Trung tâm y tế, bệnh viện tuyến huyện có địa điểm đầu tư xây dựng tại địa bàn Trung tâm của huyện (Thị trấn), không phải xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Theo quyết định số 861/QĐ-TTg). Do đó, cần báo cáo Quốc hội điều chỉnh, làm rõ đối tượng “Trung tâm y tế huyện, bệnh viện của huyện có xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” để phù hợp với thực tiễn các địa phương triển khai thực hiện.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 3540/TB-TTKQH15 ngày 24/4/2024 của Tổng thư ký Quốc hội và ý kiến thẩm tra của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế rà soát, đề xuất xác định rõ 03 Trung tâm y tế huyện có xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (danh mục kèm theo) đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nguyên tắc thực hiện Chương trình theo yêu cầu.

d) Các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 3540/TB-TTKQH15 ngày 24/4/2024 của Tổng thư ký Quốc hội và ý kiến thẩm tra của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch khẩn trương rà soát, xác định các công trình tiêu biểu của các dân tộc thiểu số trong số 130 di tích quốc gia đặc biệt, 3.628 di tích quốc gia.

Trong kế hoạch đầu tư công trung hạn dự kiến lựa chọn 72 di tích có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số thuộc diện đầu tư của Chương trình được phân bổ vốn. Hiện nay Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang khẩn trương tiếp tục phối hợp với các địa phương tổ chức rà soát, lựa chọn danh mục di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu nhất của các dân tộc thiểu số để ưu tiên đề xuất đưa vào diện đầu tư của Chương trình, đảm bảo đúng mục tiêu, nguyên tắc theo chủ trương đã được Quốc hội thông qua tại thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 120/2020/QH14.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện Chương trình

a) Kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

Sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 9 tháng 11 năm 2023 về giám sát chuyên đề “*Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*”, các khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Chương trình cơ bản đã được tháo gỡ, ước đến 2025, các địa phương đều cam kết cơ bản hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình đã đề ra giai đoạn 2021 – 2025.

Theo báo cáo địa phương, đến nay trong số 9 nhóm mục tiêu cụ thể đến năm 2025: 07 nhóm mục tiêu rà soát được; 02 nhóm mục tiêu đòi hỏi cần phải có thời gian để chính sách được triển khai, tác động nên kết quả đánh giá sẽ được thể hiện vào cuối giai đoạn thực hiện Chương trình (trong đó có mục tiêu về Mức thu nhập của người dân tộc thiểu số tăng trên 02 lần so với năm 2020).

Đối với 07 nhóm mục tiêu có thể rà soát được kết quả bước đầu thông qua 24 chỉ tiêu, có 04 nhóm mục tiêu cơ bản hoàn thành (gồm 03 nhóm mục tiêu hoàn thành; 01 nhóm mục tiêu có 4/5 chỉ tiêu đã hoàn thành); 03 nhóm mục tiêu chưa hoàn thành (trong đó có 09 chỉ tiêu dự báo sẽ sớm hoàn thành), cụ thể:

(1) Mục tiêu về tỷ lệ giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số: bình quân đạt 3.40% (đạt so với mức trên 3% mục tiêu kế hoạch giao).

(2) Nhóm mục tiêu về cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III) và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN, cụ thể:

- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông: đạt trung bình 98.6/100%.

- Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt trung bình 89.5% (vượt so với mức 70% mục tiêu kế hoạch giao).

- Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố đạt trung bình 91.4/100%.

- Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố đạt trung bình 95.7/100%.

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp đạt trung bình 98.9/99%.

- Tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trung bình 94% (vượt so với mức 90% mục tiêu kế hoạch giao).

- Tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình đạt trung bình 94.9/100%.

- Tỷ lệ đồng bào DTTS được nghe đài phát thanh đạt trung bình 94/100%.

(3) Nhóm mục tiêu về công tác định canh, định cư, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào, cụ thể:

- Tỷ lệ hộ di cư không theo quy hoạch được sắp xếp, bố trí ổn định đạt trung bình 65.8/90%.

- Tỷ lệ hộ DTTS đang cư trú tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí đạt trung bình 41.9/60%.

(4) Nhóm mục tiêu về công tác giáo dục, cụ thể:

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt trung bình 94.9/98%.

- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt trung bình 98.6% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 97% giao).

- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường đạt trung bình 95.8% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 95% giao).

Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường đạt trung bình 70.3% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 60% giao).

Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt trung bình 92.1% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 90% giao).

(5) Nhóm mục tiêu tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại, tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS&MN, cụ thể:

- Tỷ lệ đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế đạt trung bình 91.9/98%.
- Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự hỗ trợ của nhân viên y tế đạt trung bình 90.6% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 80% giao).
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được thăm khám định kỳ (ít nhất 4 lần trong thai kỳ) đạt trung bình 79.8/80%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đạt trung bình 15.8% (chưa đạt so với mục tiêu kế hoạch < 15% giao).
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt trung bình 21% (chưa đạt so với mục tiêu kế hoạch < 15% giao).

(6) *Mục tiêu lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS và đặc thù vùng đồng bào DTTS và MN: Đạt trung bình 52.7% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 50% giao).*

(7) *Nhóm mục tiêu về Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, cụ thể:*

- Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt trung bình 92.8% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 80% giao).
- Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng đồng đạt trung bình 56.1% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 50% giao).

b) Kết quả giải ngân vốn

- Năm 2023:

+ Kết quả giải ngân vốn đầu tư công (bao gồm cả vốn đầu tư của năm 2022 kéo dài sang năm 2023) là 12.938,597 tỷ đồng/16.886,299 tỷ đồng, đạt 77% kế hoạch, trong đó: (i) Đối với nguồn vốn của năm 2022 kéo dài sang năm 2023 đã giải ngân được 4.139,865 tỷ đồng/4.886,299 tỷ đồng, đạt 85% kế hoạch; (ii) Đối với nguồn vốn của năm 2023 đã giải ngân được 8.798,732 tỷ đồng/12.000 tỷ đồng, đạt 73% kế hoạch.

+ Kết quả giải ngân vốn sự nghiệp (bao gồm cả vốn sự nghiệp của năm 2022 kéo dài sang năm 2023) là 4.945,21 tỷ đồng/17.612,623 tỷ đồng, đạt 28% kế hoạch, trong đó: (i) Đối với nguồn vốn của năm 2022 kéo dài sang năm 2023 đã giải ngân được 736,778 tỷ đồng/3.070,602 tỷ đồng, đạt 24% kế hoạch; (ii) Đối với nguồn vốn của năm 2023 giải ngân đạt 4.208,432 tỷ đồng/ 14.542,021 tỷ đồng, đạt 29% kế hoạch.

- Trong Quý I năm 2024:

+ Theo báo cáo của Bộ Tài chính, vốn đầu tư công giải ngân đến hết tháng 3 năm 2024 (bao gồm cả vốn đầu tư kéo dài các năm trước chuyển sang năm 2024) của Chương trình ước đạt được khoảng 2.110,772 tỷ đồng, đạt 14% kế hoạch. Đối với nguồn vốn kéo dài các năm trước chuyển sang năm 2024 giải ngân ước đạt được khoảng 128,381/2.189,748 tỷ đồng, đạt 6% kế hoạch (*nguồn vốn của năm 2024 đạt được khoảng 1.982,390 tỷ đồng, đạt 15% kế hoạch*).

+ Vốn sự nghiệp giải ngân thực hiện Chương trình ước đạt được khoảng 38,385 tỷ đồng, đạt 1% kế hoạch; ước thực hiện đến hết tháng 4 năm 2024 (bao gồm cả vốn đầu tư kéo dài các năm trước chuyển sang năm 2024) của Chương trình ước đạt được khoảng 3.152,833 tỷ đồng, đạt 21% kế hoạch. Đối với nguồn vốn kéo dài các năm trước chuyển sang năm 2024 giải ngân ước đạt được khoảng 312,045/2.189,748 tỷ đồng, đạt 21% kế hoạch (nguồn vốn của năm 2024 đạt được khoảng 2.840,788 tỷ đồng, đạt 21% kế hoạch).

2. Tính khả thi của việc đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

Sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 9 tháng 11 năm 2023 về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”.

Qua ghi nhận, đã có 43 địa phương và 06 bộ, ngành báo cáo về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội khóa XV, trong đó, một số địa phương đã căn cứ các quy định tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 thực hiện: (i) nghiên cứu trình hội đồng nhân dân xem xét, lựa chọn địa phương đủ điều kiện để thực hiện thí điểm về cơ chế phân cấp trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong thời gian tới; (ii) tập trung chỉ đạo các đơn vị khẩn trương lập thủ tục chuyển nguồn kế hoạch vốn năm 2023 (bao gồm cả nguồn vốn năm 2022 kéo dài) chưa thực hiện giải ngân hết trong năm 2023 sang năm 2024, trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước để tổ chức thực hiện và đẩy nhanh việc giải ngân các dự án của Chương trình để giải quyết các vấn đề cấp bách, bức xúc của đồng bào như: Nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo đảm sinh kế, thu nhập....

Về việc triển khai thực hiện dự án của Chương trình để giải quyết các vấn đề cấp bách, bức xúc của đồng bào: về đất ở: đã hỗ trợ được 489 hộ; về đất sản xuất: đã hỗ trợ được 14.760 hộ thiếu đất sản xuất trong đó hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất cho 641 hộ, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 14.119 hộ; về nước sinh hoạt phân tán: đã hỗ trợ được 102.989 hộ chưa có nước hợp vệ sinh; về nước sinh hoạt tập trung: đã đầu tư xây dựng được 492 công trình nước sinh hoạt tập trung.

Các khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Chương trình cơ bản đã được tháo gỡ, ước đến 2025, các địa phương đều cam kết cơ bản hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình đã đề ra giai đoạn 2021 – 2025.

3. Khó khăn, vướng mắc

Căn cứ chủ trương đầu tư được Quốc hội phê duyệt, theo quy định của Luật Đầu tư công, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi và ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg về đầu tư Chương trình theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai Chương trình phát sinh một số khó khăn, vướng mắc cần phải điều chỉnh đối tượng, phạm vi, nội dung, chỉ tiêu cụ thể của các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình. Tháng 02/2023, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia đã chủ trì đi khảo sát, làm việc với các địa phương vùng Tây Nguyên, trung du miền núi phía Bắc, Tây Nam Bộ; chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương khẩn trương hoàn thành rà soát, tiếp thu, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 2 Mục IV Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2023 của Chính phủ, Chính phủ đã chỉ xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình², trong đó tập trung (i) rà soát, phân nhóm các nội dung kiến nghị của địa phương theo từng dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình MTQG DTTS và MN³; (ii) tổ chức nhiều Phiên họp, đoàn giám sát, nắm bắt⁴ các kiến nghị của địa phương, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống khung pháp lý và các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các CTMTQG⁵; (iii) ban hành văn bản gửi các bộ ngành, địa phương⁶ để trao đổi, trả lời và hướng dẫn một số khó khăn vướng mắc cụ thể trong Chương trình⁷.

Đặc biệt trong năm 2023, Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương tiếp tục xử lý dứt điểm gần 30 kiến nghị, đề xuất liên quan đến triển khai thực hiện Chương trình⁸. Thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công, Chính phủ đã chỉ đạo Ủy ban Dân tộc và các Bộ, cơ quan, địa phương khẩn trương xây dựng Báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư và Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Chương trình, tham mưu cho Chính phủ đề xuất với Quốc

² Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Báo cáo số 280/BC-UBDT ngày 03/3/2023 về kết quả và tiến độ xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình MTQG DTTS và MN theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 343/TB-VPCP ngày 01/11/2022 của Văn phòng Chính phủ.

³ Theo đó, trong 74 kiến nghị của địa phương UBDT được giao xử lý, UBDT đã rà soát, tổng hợp thành 65 nội dung; trong đó có 62 nội dung liên quan đến trách nhiệm của UBDT, 02 nội dung liên quan đến trách nhiệm của BTC, 01 nội dung liên quan đến trách nhiệm của BGD&ĐT.

⁴ Gồm 03 cuộc họp chuyên đề; chủ động làm việc với các Bộ: KH&ĐTTC, NN&PTNT về những nội dung liên quan đến cơ chế triển khai Chương trình MTQG DTTS&MN.

⁵ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính...

⁶ Văn bản 404/UBDT-CTMTQG ngày 21/3/2023 và số 405/UBDT-CTMTQG ngày 21/3/2023.

⁷ Báo cáo số 313/BC-UBDT ngày 22/3/2023.

⁸ Công điện số 436/CĐ-TTg ngày 18/5/2023, Công điện số 365/CĐ-TTg ngày 04/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Công điện số 513/CĐ-TTg ngày 05/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 555/TTg-QHĐP ngày 16/6/2023, Công văn số 666/TTg-QHĐP ngày 18/7/2023, Báo cáo số 855/BC-UBDT ngày 25/5/2023; Các văn bản số 1135/UBDT-CTMTQG ngày 06/7/2023 gửi UBND tỉnh Sóc Trăng; 1149/UBDT-CTMTQG ngày 07/7/2023 gửi BDT tỉnh Bắc Giang; 1188/UBDT-VPCTMTQG ngày 13/7/2023 gửi BDT tỉnh Bắc Kạn; 1190/UBDT-VPCTMTQG ngày 13/7/2023 gửi UBND các tỉnh Điện Biên, Thái Nguyên; 1192/UBDT-VPCTMTQG ngày 13/7/2023 gửi UBND các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Sơn La, Thanh Hóa; 1136/UBDT-CTMTQG ngày 06/7/2023 và 1364/UBDT-CTMTQG ngày 02/8/2023 gửi UBND tỉnh Cao Bằng.

hội điều chỉnh về một số nội dung liên quan đến đối tượng và quy định về bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 100/2023/QH15. Các nội dung đề xuất điều chỉnh bảo đảm không làm thay đổi tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và các nội dung khác đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 và Nghị quyết số 88/2019/QH14; chỉ tập trung tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành và địa phương trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các Dự án, tiểu Dự án và Nội dung cụ thể của Chương trình.

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Trên cơ sở các khó khăn vướng mắc, sự cần thiết phải điều chỉnh một số nội dung đã nêu tại phần III của Báo cáo, đề xuất một số nội dung điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư của Chương trình như sau:

1. Quan điểm, mục tiêu điều chỉnh

- Việc điều chỉnh chủ trương không làm tăng tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 120/2020/QH14.

- Đảm bảo hoàn thành các mục tiêu theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội.

- Các nội dung điều chỉnh theo hướng tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, không làm phát sinh đối tượng thụ hưởng chính sách và địa bàn đầu tư.

- Nội dung điều chỉnh nhằm đảm bảo tính chất pháp lý, sự thống nhất, chặt chẽ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Các đối tượng dự kiến điều chỉnh và nguồn lực thực hiện đã được nghiên cứu, xác định cụ thể tại Báo cáo chủ trương đầu tư trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV, bảo đảm phù hợp quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình quy định tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội, không trùng lặp về phạm vi, địa bàn với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác.

- Việc phê duyệt và đầu tư các dự án thuộc các nội dung điều chỉnh phải phù hợp với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Nội dung đề xuất điều chỉnh

a) Điều chỉnh nguồn vốn thực hiện Chương trình

- Theo quy định tại Nghị quyết số 120/2020/QH14: *"Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025"*.

- Đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy định về nguồn vốn thực hiện Chương trình như sau: *"Nguồn vốn đầu tư của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kinh phí sự nghiệp được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo các nghị quyết của Quốc hội về phân bổ"*

dự toán ngân sách trung ương hằng năm và các quy định hiện hành”.

Việc đề xuất điều chỉnh bổ sung nguồn vốn trong chủ trương đầu tư, bảo đảm quá trình tổ chức thực hiện đúng quy định của hệ thống pháp luật hiện hành, tạo được sự thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện Chương trình. Đảm bảo quan điểm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 9 tháng 11 năm 2023; Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024.

b) Điều chỉnh đối tượng thuộc diện đầu tư của Chương trình

- Tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình, đối tượng của Chương trình được tham chiếu theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, quy định:

“Đối tượng điều chỉnh:

- *Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*
- *Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số;*
- *Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;*
- *Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn”.*

- Đề xuất điều chỉnh một số đối tượng cụ thể thuộc diện đầu tư của Chương trình có trụ sở không nằm trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN theo danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt gồm: *"Một số đơn vị sự nghiệp công lập là trường dự bị Đại học, Đại học, trường chuyên biệt (trường Hữu nghị T78, trường Hữu nghị 80, trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc); các trường phổ thông dân tộc nội trú; các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; một số Trung tâm y tế huyện, bệnh viện của huyện có xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN".*

Nguồn vốn đầu tư cho 04 nhóm đối tượng nêu trên đã được tính toán phân bổ trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn của Chương trình. Việc điều chỉnh các đối tượng trên không làm thay đổi mục tiêu, chỉ tiêu và quy mô nguồn vốn của Chương trình, đảm bảo phù hợp với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; không làm phát sinh tăng đối tượng thụ hưởng chính sách, đồng thời tháo gỡ những vướng mắc trong việc thực hiện Dự án 4; Dự án 5; Dự án 6; Dự án 7 thuộc Chương trình.

- Danh mục và dự kiến nhu cầu đầu tư cho 04 nhóm đối tượng trên, gồm:

Tổng số nhu cầu kinh phí cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị nói trên dự kiến khoảng **4.142,805 tỷ đồng**, trong đó:

(1) Một số đơn vị sự nghiệp công lập là Trường Đại học, dự bị Đại học, trường chuyên biệt

+ Tổng vốn đầu tư NSTW được cấp thẩm quyền phân bổ trong trung hạn

là: 2.765,205 tỷ đồng.

+ Danh mục đầu tư các trường đại học, dự bị đại học, trường chuyên biệt: Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương; Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn; Trường Dự bị Đại học Dân tộc trung ương Nha Trang; Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc; Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80; Trường Đại học Tây Bắc; Trường Đại học Tây Nguyên; Trường Đại học Tân Trào.

(2) Các trường phổ thông dân tộc nội trú:

Tổng vốn phân bổ trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ NSTW cho 101 Trường PTDTNT thuộc 39 tỉnh không nằm trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN khoảng: 846,7 tỷ đồng.

(3) Các Trung tâm y tế huyện, bệnh viện tuyến huyện

Qua rà soát hiện nay có 03 trung tâm y tế, bệnh viện tuyến huyện không nằm trên địa bàn các xã, thôn bản vùng đồng bào DTTS&MN với tổng nhu cầu vốn dự kiến đầu tư là khoảng 79,9 tỷ đồng.

(4) Các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số

Qua rà soát, toàn quốc có khoảng 130 di tích quốc gia đặc biệt, 3.628 di tích quốc gia tiêu biểu của các dân tộc thiểu số, trong đó Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt bố trí khoảng 451 tỷ đồng trong Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 để ưu tiên tu bổ, tôn tạo khoảng 72 di tích thuộc 31 tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện, các địa phương có trách nhiệm rà soát, ưu tiên đầu tư cho các di tích nằm trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS và MN để góp phần phát triển du lịch, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa nơi có đồng bào DTTS sinh sống.

Sau khi được Quốc hội quyết định điều chỉnh đối tượng đầu tư cho các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số nằm ngoài địa bàn vùng DTTS&MN, Chính phủ sẽ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương rà soát, xác định thứ tự ưu tiên đầu tư các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư đã được cấp thẩm quyền quyết định, tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng các tiêu chí, định mức đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng, phương án phát triển lĩnh vực văn hóa, du lịch, mục tiêu của Chương trình đã đề ra.

(Danh mục dự kiến các đối tượng có trụ sở không nằm trên địa bàn các xã, thôn vùng ĐBDTTS&MN cần thiết phải đầu tư xin gửi kèm theo Báo cáo).

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SAU ĐIỀU CHỈNH

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương; tăng cường phân cấp, phân công nhiệm vụ gắn với trách nhiệm và quyền hạn cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cấp, ngành, ý

thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ, đầu tư của Chương trình sau khi điều chỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình tại địa phương nâng cao vai trò, trách nhiệm trong công tác phối hợp để tham mưu cấp thẩm quyền quyết định những vấn đề, nhiệm vụ mới của chương trình sau khi điều chỉnh, đề đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kinh phí được giao và hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình đề ra.

2. Về hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình

- Sau khi Quốc hội quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình, theo thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ sẽ điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 theo thẩm quyền.

- Các bộ, cơ quan chủ trì, quản lý, theo dõi, thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao tiếp tục rà soát hoàn thiện các văn bản chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn thực hiện Chương trình sau điều chỉnh để bảo đảm tính thống nhất.

- Bộ, ngành, địa phương thực hiện việc rà soát chỉ tiêu kế hoạch, đề xuất nhu cầu vốn thực hiện Chương trình đến cuối giai đoạn (năm 2025) trên cơ sở nội dung điều chỉnh Chương trình sau khi được phê duyệt.

3. Về huy động nguồn lực

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu vốn sau khi điều chỉnh Chương trình; các địa phương phải có trách nhiệm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật để thực hiện Chương trình.

- Vận động để huy động các hộ gia đình tham gia các hoạt động của Chương trình. Vốn đầu tư của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế khác, của tư nhân sẽ được chú trọng huy động để thực hiện Chương trình thông qua việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nguồn vốn từ các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, khơi dậy nguồn vốn từ nội lực của nền kinh tế; khuyến khích tham gia của khu vực tư nhân và các thành phần kinh tế khác đầu tư thực hiện các dự án của Chương trình.

4. Về công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình

- Tiếp tục duy trì công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá trong suốt quá trình triển khai Chương trình bảo đảm các dự án thực hiện đúng quan điểm, mục tiêu; kịp thời giải quyết, xử lý, khắc phục những sự cố trong quá trình thực hiện; có biện pháp xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm; đôn đốc, kịp thời có phương án đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn.

- Tiếp tục phát huy vai trò và sự tham gia Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

5. Về công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thực hiện

Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng nội dung, mục tiêu của Chương trình sau khi điều chỉnh đến các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số nhằm từng bước thay đổi và chuyển biến về nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, khơi dậy ý chí chủ động, tự chủ, vươn lên của người dân tộc thiểu số, nhất là người dân tộc thiểu số nghèo.

6. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế tham gia thực hiện Chương trình

Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, đồng thời quảng bá giới thiệu với bạn bè quốc tế về quan điểm, đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta đối với vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung huy động và tranh thủ mọi nguồn lực của các tổ chức quốc tế, nhà tài trợ để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

VI. ĐÁNH GIÁ NHỮNG ẢNH HƯỞNG, TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH SAU ĐIỀU CHỈNH

1. Bối cảnh đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư

Chương trình được phê duyệt chủ trương đầu tư theo Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước dành cho đồng bào dân tộc thiểu số. Thời điểm Nghị quyết số 120/2020/QH14 cho đến nửa đầu năm 2022, dịch bệnh Covid-19 có những diễn biến phức tạp, khó lường gây ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung.

Trong bối cảnh đó, hoạt động của các cơ quan Bộ, ngành và các địa phương cũng bị ảnh hưởng ở mức độ nhất định do giãn cách xã hội và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh dẫn tới có sự gián đoạn trong công tác chỉ đạo điều hành, phối hợp triển khai giữa các bộ, ngành và địa phương (nhất là trong công tác tổng hợp thông tin, báo cáo).

Là một chương trình MTQG mới nên chưa có sự kế thừa kinh nghiệm tổ chức triển khai thực hiện; bản thân cơ quan chủ chương trình mới lần đầu tiên được giao nhiệm vụ quản lý một chương trình MTQG lớn, mang quan điểm đầu tư tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời công tác chủ trì, quản lý các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình có sự tham gia của nhiều Bộ, cơ quan trung ương, với rất nhiều các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện; do đó, trong quá trình phối hợp cần nhiều hoạt động trao đổi kỹ thuật và ban hành văn bản hành chính để rà soát, đánh giá, tiếp thu, hoàn thiện nhằm đảm bảo các quy định và hướng dẫn thực hiện cơ chế được ban hành triển khai đúng đối tượng, đúng địa bàn, đúng chính sách, đúng quy định, dẫn tới những sự chậm trễ, chưa chặt chẽ, thống nhất trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Bên cạnh đó, mặc dù nhận được sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương và sự quan tâm rất lớn Quốc hội, đại biểu quốc hội và cử tri cả nước, tuy nhiên trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện phát sinh một số khó khăn, vướng mắc, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân và kết quả thực hiện Chương trình, trong đó có vướng mắc cần phải đề xuất điều chỉnh Chủ trương

đầu tư (do vượt thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ) như quy định về vốn sự nghiệp và địa bàn thực hiện Chương trình. Vì vậy cần thiết phải báo cáo Quốc hội điều chỉnh để làm rõ đối tượng, địa bàn thực hiện Chương trình.

2. Đánh giá tác động về thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Các nội dung điều chỉnh không làm phát sinh thủ tục hành chính so với quy định pháp luật hiện hành đảm bảo cơ sở pháp lý triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình; tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương chủ động lồng ghép nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án khác để thực hiện Chương trình do có chung địa bàn đầu tư; tạo sự đồng bộ, thống nhất giữa quan điểm, chủ trương, pháp luật hiện hành với các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình; giải quyết khó khăn, vướng mắc trong giao, phân bổ, thanh quyết toán vốn, kinh phí thực hiện Chương trình.

- Tác động tiêu cực: Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình sẽ dẫn tới phải điều chỉnh quyết định đầu tư Chương trình và sửa đổi, bổ sung một số văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất.

3. Đánh giá tác động nội dung đề xuất điều chỉnh

a) Về cơ chế phân bổ, giao vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình

Việc đề xuất điều chỉnh cơ chế bố trí, giao vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình “*Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kinh phí sự nghiệp được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo các nghị quyết của Quốc hội về phân bổ dự toán ngân sách trung ương hằng năm và các quy định hiện hành*” nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý và thống nhất thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị quyết của Quốc hội về phân bổ dự toán ngân sách trung ương hằng năm, phù hợp với thực tiễn nhưng không làm thay đổi mục tiêu, chỉ tiêu và quy mô nguồn vốn chung của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025 đã được Quốc hội phê duyệt, cụ thể:

- Ở cấp Trung ương: Việc lập kế hoạch, phân bổ vốn thực hiện Chương trình sẽ đúng quy định, trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình.

Việc xây dựng kế hoạch vốn đảm bảo các nguyên tắc (i) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan; (ii) Đảm bảo công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế chính sách, tạo quyền chủ động cho các bộ, ngành và địa phương; (iii) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, phù

hợp với thực tế, khả năng cân đối ngân sách nhà nước; (iv) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình dựa trên căn cứ nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại các quyết định đầu tư, tổng mức phân bổ vốn cho các cơ quan dựa trên chức năng, nhiệm vụ được giao, nhu cầu nguồn lực trung hạn và hằng năm.

- Ở địa phương: Việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện bảo đảm đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Có căn cứ, cơ sở pháp lý trong công tác phân bổ vốn theo nguyên tắc tiêu chí, định mức được quy định tại Nghị quyết của HĐND đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, bảo đảm hiệu quả đầu tư, phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình tại địa phương.

b) Về đối tượng, địa bàn thực hiện Chương trình

- Tác động tích cực: Việc điều chỉnh địa bàn thực hiện của Chương trình có tác động trực tiếp đến các đối tượng thuộc Dự án 4, Dự án 5, Dự án 6, Dự án 7 sẽ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và bảo đảm sự thống nhất giữa chủ trương đầu tư với nội dung đầu tư Chương trình, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn thực hiện Chương trình, đưa chính sách vào cuộc sống, để người đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh, sinh viên, con em đồng bào DTTS...được thụ hưởng đầy đủ các chính sách của Chương trình (giải quyết các nút thắt về giao, phân bổ và thanh toán, quyết toán vốn).

- Tác động tiêu cực: Việc điều chỉnh trên không phát sinh tác động tiêu cực trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

c) Mục tiêu điều chỉnh

Không làm tăng tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 120/2020/QH14; bảo đảm các mục tiêu theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội; các đối tượng thuộc địa bàn đề xuất điều chỉnh và nguồn lực thực hiện đã được nghiên cứu, xác định cụ thể tại Báo cáo chủ trương đầu tư trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV, bảo đảm phù hợp quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình quy định tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội, không trùng lặp về phạm vi, địa bàn với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác.

4. Đánh giá hiệu quả Chương trình sau điều chỉnh

- Chương trình điều chỉnh được phê duyệt và tổ chức thực hiện sẽ có những tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, góp phần khắc phục khó khăn, vướng mắc hiện nay, tạo điều kiện giải ngân nguồn vốn của Dự án 4, Dự án 5, Dự án 6, Dự án 7 với tổng vốn dự kiến khoảng trên 4.000 tỷ đồng.

- Chương trình sau khi điều chỉnh được phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện sẽ đạt được đa mục tiêu về kinh tế - xã hội; quốc phòng - an ninh; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; góp phần củng cố tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố và nâng cao niềm tin của đồng bào các DTTS đối với

Đảng và Nhà nước.

- Chương trình sau khi điều chỉnh, được tổ chức thực hiện bảo đảm đúng quy định của hệ thống pháp luật hiện hành, tạo được sự thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện Chương trình.

5. Đánh giá tác động về môi trường, bình đẳng giới, điều ước quốc tế

Các nội dung đề xuất điều chỉnh nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý trong tổ chức thực hiện Chương trình, do vậy không có yếu tố gây tác động tiêu cực đến môi trường sống, sinh hoạt của đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi; không phát sinh các vấn đề về bất bình đẳng giới hoặc thực hiện các điều ước quốc tế.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

a) Sau khi được Quốc hội phê duyệt chủ trương điều chỉnh Chương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Chương trình theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương chủ động nghiên cứu Chương trình sau khi điều chỉnh, quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn thực hiện Chương trình và bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu được giao.

c) Chỉ đạo các Bộ, ngành tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình để bảo đảm triển khai có hiệu quả các nội dung của Chương trình sau điều chỉnh.

d) Đảm bảo bố trí kinh phí, nguồn lực để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình sau khi điều chỉnh.

2. Các ban, bộ, ngành, cơ quan Trung ương

a) Ủy ban Dân tộc

- Chủ trì, phối hợp với Bộ KH&ĐT và các Bộ, ngành liên quan lập Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Chương trình, trình cấp thẩm quyền quyết định điều chỉnh Chương trình theo quy định, trình tự, thủ tục của Luật đầu tư công.

- Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu cho Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và các địa phương tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình sau điều chỉnh. Hằng năm, Ủy ban dân tộc căn cứ vào mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và chi tiết các dự án thành phần, tổng mức kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong từng giai đoạn, chủ trì tổng hợp và xây dựng phương án phân bổ vốn năm sau của Chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng quyết định (theo khoản đ Điều 42, Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và khoản 6 điều 22, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP).

b) Bộ Kế hoạch và đầu tư

- Phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan tổng hợp cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các quy định chung (nếu có) về quản lý Chương trình và hướng dẫn tổ chức thực hiện theo thẩm quyền.

- Tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình vào kế hoạch 05 năm và kế hoạch hằng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

c) Bộ Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm, tổng hợp kinh phí chi sự nghiệp để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

- Cân đối, bố trí đủ vốn sự nghiệp và có kế hoạch bổ sung vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ trì hướng dẫn, tập huấn cho các địa phương về cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

d) Các Bộ, ngành liên quan

- Tiếp tục rà soát tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn cơ chế chính sách liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ để thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành.

- Bổ sung nhiệm vụ về đề xuất các nội dung điều chỉnh Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

đ) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

- Chỉ đạo theo dõi, đôn đốc, triển khai, thực hiện Chương trình. Cân đối, bố trí nguồn lực, biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất cho việc thực hiện Chương trình.

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện Chương trình trong phạm vi địa phương mình.

- Định kỳ đánh giá, sơ kết, tổng kết, báo cáo, kiến nghị với Ban chỉ đạo Trung ương và các Bộ, ngành liên quan về việc tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình.

IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Việc điều chỉnh Chương trình là cần thiết để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện tại các bộ, ngành, địa phương góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn thực hiện Chương trình và phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu được Quốc hội giao, đáp ứng nguyện vọng và mong đợi của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cũng như đồng bào cả nước.

Chính phủ kiến nghị Quốc hội xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình theo thẩm quyền./. .

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch Quốc hội (để b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Ủy ban Dân tộc (50b);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg CP, các Vụ: NN, KGVX, KTTH, TH;
- Lưu: VT, QHĐP (03b).

80

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
ỦY BAN DÂN TỘC**



Hầu A Lệnh

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10607/BC-HDTĐNN

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2023



BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030**

Căn cứ Quyết định số 1202/QĐ-TTg ngày 15/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước (TĐNN) thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư (ĐXĐCCTĐT) Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (sau đây viết tắt là Chương trình); căn cứ hồ sơ Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình do Ủy ban Dân tộc trình, hồ sơ giải trình, bổ sung và ý kiến của các cơ quan liên quan, Hội đồng thẩm định nhà nước (sau đây viết tắt là Hội đồng) đã tổ chức thẩm định Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình và xin báo cáo Chính phủ về kết quả thẩm định như sau:

Phần thứ nhất

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH VÀ HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Hồ sơ tài liệu nhận ngày 06/10/2023

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ số 1770/TTr-UBDT ngày 03/10/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc đề nghị thành lập Hội đồng TĐNN, thẩm định Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình.

- Văn bản số 1811/UBDT-VPCTMTQG ngày 06/10/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc gửi hồ sơ Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình.

- Báo cáo ĐXĐCCTĐT đầu tư Chương trình.

- Báo cáo ngày 03/10/2023 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh CTĐT Chương trình của Ủy ban Dân tộc về kết quả thẩm định Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình.

- Dự thảo Tờ trình của Chính phủ đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình.

- Tài liệu về kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương.

2. Hồ sơ tài liệu nhận ngày 04/12/2023

- Văn bản số 2217/UBNDT-VPCTMTQG ngày 30/11/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc hoàn thiện hồ sơ ĐXĐCCTĐT Chương trình.
- Văn bản số 2218/UBNDT-VPCTMTQG ngày 30/11/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Hội đồng TĐNN.
- Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình cập nhật, bổ sung.
- Dự thảo Tờ trình của Ủy ban Dân tộc trình Chính phủ.
- Báo cáo số 511/BC-CP ngày 04/10/2023 của Chính phủ.

3. Hồ sơ tài liệu nhận ngày 10/12/2023

- Văn bản số 2307/UBNDT-VPCTMTQG ngày 09/12/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng TĐNN.
- Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình cập nhật (Báo cáo số 2306/BC-UBNDT ngày 09/12/2023).
- Dự thảo Tờ trình của Ủy ban Dân tộc trình Chính phủ về Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH

1. Luật Đầu tư công năm 2019.
2. Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.
3. Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.
4. Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.
5. Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.
6. Các văn bản pháp lý liên quan khác.

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. **Đơn vị chủ trì thẩm định:** Hội đồng thẩm định nhà nước.
2. **Đơn vị phối hợp thẩm định:** Các bộ: Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Quốc phòng, Công an, Giao thông vận tải, Giáo

dục và Đào tạo, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao; Ủy ban Dân tộc; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Các thành viên trong Hội đồng thẩm định nhà nước: Đại diện Lãnh đạo các cơ quan sau: các bộ: Kế hoạch và Đầu tư (Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Chủ tịch Hội đồng, 01 Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Phó Chủ tịch Hội đồng), Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Quốc phòng, Công an, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao; Ủy ban Dân tộc; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Hình thức thẩm định: Tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Tóm tắt quá trình tổ chức thẩm định:

- Ngày 04/10/2023, tại văn bản số 7656/VPCP-QHĐP của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang giao: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan khẩn trương đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng TĐNN để thẩm định Báo cáo ĐXĐCCTĐT theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các quy định có liên quan.

- Ngày 04/10/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 8223/BKHĐT-GSTĐĐT đề nghị Ủy ban Dân tộc cung cấp hồ sơ ĐXĐCCTĐT Chương trình để tổ chức thẩm định.

- Ngày 06/10/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản số 1811/UBNDT-VPCTMTQG ngày 06/10/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc gửi hồ sơ Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình.

- Ngày 09/10/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT gửi hồ sơ Chương trình xin ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan.

- Ngày 12/10/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 8471/BKHĐT-GSTĐĐT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng TĐNN để tổ chức thẩm định Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình.

- Ngày 15/10/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1202/QĐ-TTg về việc thành lập Hội đồng TĐNN để tổ chức thẩm định Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình.

- Ngày 23/10/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 8746/BKHĐT-GSTĐĐT đề nghị các cơ quan: (i) cử thành viên tham gia Hội đồng TĐNN (đối với các cơ quan chưa cử người), (ii) có ý kiến về Kế hoạch thẩm định của Hội đồng và (iii) khẩn trương có ý kiến thẩm định về Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình.

- Ngày 08/11/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 9401/BKHĐT-GSTĐĐT đề nghị các cơ quan khẩn trương có ý kiến về các nội dung theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 8746/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 23/10/2023.

- Ngày 14/11/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 9510/BKHĐT-GSTĐĐT đề nghị Ủy ban Dân tộc giải trình, làm rõ, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ĐXĐCCTĐT Chương trình.

- Ngày 22/11/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 9771/BKHĐT-GSTĐĐT đề nghị các cơ quan khẩn trương có ý kiến về các nội dung theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các văn bản: số 8746/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 23/10/2023 và số 9401/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 08/11/2023. Đến nay, Cơ quan thường trực của Hội đồng đã nhận được ý kiến thẩm định Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình của 21/21 thành viên Hội đồng.

- Ngày 28/11/2023, Chủ tịch Hội đồng TĐNN đã ban hành Quyết định số 1927/QĐ-HĐTĐNN về việc phê duyệt Kế hoạch thẩm định của Hội đồng.

- Ngày 04/12/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được các văn bản: số 2217/UBDT-VPCTMTQG ngày 30/11/2023 và số 2218/UBDT-VPCTMTQG ngày 30/11/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc hoàn thiện hồ sơ ĐXĐCCTĐT Chương trình và tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng TĐNN.

- Ngày 08/12/2023, Hội đồng thẩm định nhà nước đã tổ chức cuộc họp thẩm định Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình.

- Ngày 10/12/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản số 2307/UBDT-VPCTMTQG ngày 09/12/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định nhà nước, kèm Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình cập nhật, hoàn thiện.

- Ngày 10/12/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 10387/BKHĐT-GSTĐĐT gửi hồ sơ giải trình, tiếp thu của Ủy ban Dân tộc và dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình xin ý kiến các thành viên Hội đồng TĐNN (kèm Phiếu biểu quyết).

- Đến ngày 14/12/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được 17/21¹ phiếu biểu quyết của các thành viên Hội đồng. Kết quả biểu quyết như sau: 17/21 thành viên Hội đồng đồng ý thông qua Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình, chiếm 80,95%, trong đó có: 15 thành viên Hội đồng đồng ý thông qua, không có ý kiến khác và 02 thành viên Hội đồng có ý kiến khác (Bộ Quốc phòng có ý kiến đồng ý thông qua sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu hoặc giải trình rõ ý kiến tham gia², Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến đề nghị hoàn thiện lại Phụ lục kèm theo dự thảo Báo cáo về bổ sung việc đã có ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình).

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐXCCTĐT CHƯƠNG TRÌNH

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Nội dung Chương trình đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư (Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội)

a) Tên Chương trình: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

b) Thời gian thực hiện Chương trình: 10 năm, chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Giai đoạn II: Từ năm 2026 đến năm 2030.

c) Mục tiêu thực hiện Chương trình: Thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với bình quân chung của cả nước; đến năm 2025 giảm 50% số xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; đến năm 2030 cơ bản không còn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

d) Kinh phí thực hiện Chương trình:

- Tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, tối thiểu là 137.664 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 104.954 tỷ đồng;

+ Ngân sách địa phương: 10.016 tỷ đồng;

+ Vốn tín dụng chính sách: 19.727 tỷ đồng;

¹ 04 Thành viên Hội đồng TĐNN chưa có ý kiến biểu quyết gồm: Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Tư pháp và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

² Thành viên Hội đồng thuộc Bộ Quốc phòng có ý kiến: đồng ý với dự thảo Báo cáo, sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu hoặc giải trình rõ ý kiến của Bộ Quốc phòng và bổ sung đối tượng "đơn vị Quân đội" vào mục 3.2 Phần thứ hai Báo cáo.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 2.967 tỷ đồng.

đ) Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

e) Căn cứ kết quả thực hiện của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025, Chính phủ trình Quốc hội quyết định nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

g) Giao Chính phủ chỉ đạo xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi theo quan điểm, mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế quản lý, điều hành quy định tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (Nghị quyết số 88/2019/QH14).

2. Kết quả thực hiện (theo Phụ lục kèm theo Báo cáo ĐXDCCCTĐT Chương trình cập nhật)

a) Kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

Theo báo cáo địa phương, ước đến ngày 31/12/2023 trong số 09 nhóm mục tiêu cụ thể đến năm 2025, có 07 nhóm mục tiêu có thể rà soát được kết quả bước đầu đến thời điểm báo cáo; 02 nhóm mục tiêu cần phải có thời gian để chính sách được triển khai, tác động nên kết quả đánh giá sẽ được thể hiện vào cuối giai đoạn thực hiện Chương trình.

a1) Đối với 07 nhóm mục tiêu có thể rà soát được kết quả bước đầu thông qua 24 chỉ tiêu, có 04 nhóm mục tiêu cơ bản hoàn thành (gồm 03 nhóm mục tiêu hoàn thành; 01 nhóm mục tiêu có 4/5 chỉ tiêu đã hoàn thành); 03 nhóm mục tiêu chưa hoàn thành (trong đó có 09 chỉ tiêu dự báo sẽ sớm hoàn thành), cụ thể:

(1) *Mục tiêu về tỷ lệ giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số: bình quân đạt 3,4% (đạt so với mức trên 3% mục tiêu kế hoạch giao).*

(2) *Nhóm mục tiêu về cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III) và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN, cụ thể:*

- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông: đạt trung bình 98,6/100%;

- Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt trung bình 89,5% (vượt so với mức 70% mục tiêu kế hoạch giao);

- Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố đạt trung bình 91,4/100%;

- Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố đạt trung bình 95,7/100%;

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp đạt trung bình 98,9/99%;

- Tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trung bình 94% (vượt so với mức 90% mục tiêu kế hoạch giao);

- Tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình đạt trung bình 94,9/100%;

- Tỷ lệ đồng bào DTTS được nghe đài phát thanh đạt trung bình 94/100%;

(3) *Nhóm mục tiêu về công tác định canh, định cư, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào, cụ thể:*

- Tỷ lệ hộ di cư không theo quy hoạch được sắp xếp, bố trí ổn định đạt trung bình 65,8/90%

- Tỷ lệ hộ DTTS đang cư trú tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí đạt trung bình 41,9/60%

(4) *Nhóm mục tiêu về công tác giáo dục, cụ thể:*

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt trung bình 94,9/98%;

- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt trung bình 98,6% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 97% giao);

- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường đạt trung bình 95,8% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 95% giao);

- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường đạt trung bình 70,3% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 60% giao);

- Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt trung bình 92,1% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 90% giao);

(5) *Nhóm mục tiêu tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại, tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS và MN, cụ thể:*

- Tỷ lệ đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế đạt trung bình 91,9/98%;

- Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự hỗ trợ của nhân viên y tế đạt trung bình 90,6% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 80% giao);

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được thăm khám định kỳ (ít nhất 4 lần trong thai kỳ) đạt trung bình 79,8/80%;

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đạt trung bình 15,8% (chưa đạt so với mục tiêu kế hoạch < 15% giao);

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt trung bình 21% (chưa đạt so với mục tiêu kế hoạch < 15% giao);

(6) *Mục tiêu lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào DTTS và MN: Đạt trung bình 52,7% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 50% giao).*

(7) *Nhóm mục tiêu về Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, cụ thể:*

- Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt trung bình 92,8% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 80% giao);

- Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng đạt trung bình 56,1% (vượt so với mục tiêu kế hoạch giao 50%).

a2) 02 nhóm mục tiêu kết quả đánh giá sẽ được thể hiện vào cuối giai đoạn thực hiện Chương trình bao gồm: (i) *mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020 và (ii) Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.*

b) Kết quả giải ngân vốn

Số giải ngân vốn thực hiện Chương trình đến hết ngày 30/6/2023 nguồn ngân sách trung ương của các địa phương đạt khoảng 7.142,753 tỷ đồng (đạt 17%); trong đó vốn đầu tư phát triển là 5.638,831 tỷ đồng (đạt 22%), vốn sự nghiệp là 1.503,922 tỷ đồng (đạt 9%).

Đến tháng 9/2023, giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2023 (bao gồm cả vốn đầu tư của năm 2022 kéo dài sang năm 2023) đạt được khoảng 8.570,880 tỷ đồng, đạt 52% kế hoạch, trong đó:

- Đối với nguồn vốn của năm 2022 kéo dài sang năm 2023 giải ngân là: 2.826,224 tỷ đồng, đạt tỷ lệ là 59,6% kế hoạch.

- Đối với nguồn vốn của năm 2023: Giải ngân nguồn vốn của năm 2023 là 5.744,655 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 49% kế hoạch giao năm 2023, trong đó: 12 địa phương có tỷ lệ giải ngân trên 60% kế hoạch vốn năm 2023³, 11 địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới 30% kế hoạch vốn năm 2023⁴.

³ Sơn La 70%; Yên Bái: 87%; Lạng Sơn: 74%; Phú Thọ: 63%; Quảng Ngãi: 64%; Khánh Hoà: 63%; Ninh Thuận: 66%; Lâm Đồng: 75%; Vĩnh Long: 85%; Tây Ninh: 70%; Sóc Trăng: 71%; Hậu Giang: 99%.

⁴ Tuyên Quang: 26%; Hoà Bình: 25%; Thanh Hóa: 29%; Hà Tĩnh: 0%; Bình Định: 27%; Phú Yên: 24%; Gia Lai: 28%; Đắk Nông: 19%; An Giang: 14%; Kiên Giang: 14%; Bạc Liêu: 0%.

3. Các nội dung đề xuất ĐCCTĐT và lý do đề xuất điều chỉnh (theo văn bản số 2307/UBND-VPCTMTQG ngày 09/12/2023 của Ủy ban Dân tộc và Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình cập nhật)

3.1. Điều chỉnh quy định về cơ chế phân bổ, bố trí vốn

- Nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 120/2020/QH14: “*Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025*”.

- Đề xuất điều chỉnh như sau: “*Nguồn vốn đầu tư được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; kinh phí sự nghiệp được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định*”.

Lý do điều chỉnh: Nguồn vốn NSTW của Chương trình gồm cả vốn đầu tư và vốn sự nghiệp, quy định nêu trên dẫn đến khó khăn trong quá trình lập kế hoạch và phân bổ vốn của các địa phương.

3.2. Điều chỉnh, bổ sung, làm rõ một số đối tượng cụ thể ngoài địa bàn xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 120/2020/QH14 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình, đối tượng của Chương trình được tham chiếu theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, trong đó quy định: “*Đối tượng điều chỉnh:*

- *Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*
- *Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số;*
- *Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;*
- *Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn*”.

- Ủy ban Dân tộc đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhóm đối tượng sau:

“- Các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc gồm: Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Nha Trang, Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc, Đại học Tây Bắc, Đại học Tây Nguyên, Đại học Tân Trào.

- *Các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú;*
- *Di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;*

- *Trung tâm y tế huyện, bệnh viện huyện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”.

Lý do đề xuất điều chỉnh: trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình còn một số đối tượng thụ hưởng tại Dự án 4, Dự án 5, Dự án 6, Dự án 7 nằm ngoài địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Các đối tượng này đều thuộc đối tượng của Chương trình tại các Dự án 4, Dự án 5, Dự án 6, Dự án 7 theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đã được phê duyệt nhưng chưa được ghi rõ tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội.

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH VÀ CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Đến nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được ý kiến của 21/21 cơ quan có thành viên tham gia Hội đồng và 03/07 ý kiến của cơ quan có liên quan được xin ý kiến⁵. Tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng và các cơ quan liên quan được tổng hợp tại Phụ lục kèm theo.

III. Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC

1. Về cơ sở pháp lý thẩm định

Điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Đầu tư công quy định: *Trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công thực hiện theo quy định tại các điều 19, 20, 21, 22, 25 và 27 của Luật này; cụ thể: tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 Luật Đầu tư công quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư, thủ tục và nội dung thẩm tra chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia.*

Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (Nghị định số 40/2020/NĐ-CP) quy định: *“Trường hợp chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, đang trong quá trình thực hiện, việc điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 43 của Luật Đầu tư công”.*

Khoản 5 Điều 43 Luật Đầu tư công quy định: *“Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án”;* quy định nêu trên không đề cập tới chương trình.

Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP không quy định cụ thể về hồ sơ, nội dung thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công cũng như chương trình mục tiêu quốc gia.

⁵ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được ý kiến của 03 cơ quan: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã, Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chưa nhận được ý kiến của 04 cơ quan: Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội nông dân Việt Nam.

Căn cứ các quy định và nội dung nêu trên, Hội đồng TĐNN căn cứ hồ sơ ĐXĐCCTĐT Chương trình do Ủy ban Dân tộc trình thẩm định (bao gồm các tài liệu nêu tại mục I Phần thứ nhất Báo cáo này), Kế hoạch thẩm định đã được Chủ tịch Hội đồng TĐNN phê duyệt tại Quyết định số 1927/QĐ-HĐTĐNN ngày 28/11/2023 và các quy định tương ứng tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 Luật Đầu tư công để xem xét, thẩm định hồ sơ ĐXĐCCTĐT Chương trình; nội dung thẩm định là những nội dung Ủy ban Dân tộc (Cơ quan chủ Chương trình) trình thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

2. Về thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình

Khoản 1 Điều 34 Luật Đầu tư công quy định: cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Căn cứ quy định nêu trên, Chương trình thuộc thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Quốc hội.

3. Về hồ sơ trình thẩm định Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình

Hồ sơ ĐXĐCCTĐT Chương trình sau khi giải trình, bổ sung cơ bản có đủ các đầu mục tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 9 (quy định về hồ sơ thẩm định chủ trương đầu tư Chương trình) và khoản 3 Điều 11 (quy định về hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình) Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

4. Căn cứ, sự cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình

Theo hồ sơ, Ủy ban Dân tộc đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình căn cứ trên các cơ sở sau:

- Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV, tại mục 2.2 (đối với lĩnh vực dân tộc) yêu cầu Chính phủ *“Trong năm 2023, nghiên cứu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh một số mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn, tránh lãng phí, tiêu cực”*;

- Thông báo số 2901/TB-TTKQH ngày 19/10/2023 của Tổng Thư ký Quốc hội thông báo Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV tại Phiên họp thứ 27 ngày 13/10/2023, trong đó: *“về nội dung giám sát các chương trình mục tiêu quốc gia: Đối với đề xuất những chính sách khác với quy định của luật đề nghị Chính phủ chuẩn bị hồ sơ tài liệu bảo đảm theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất”*;

- Kết quả làm việc của Đoàn Giám sát của Quốc hội khóa XV với Chính

phủ và các địa phương về tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về các CTMTQG; kết quả các Hội nghị của Ban chỉ đạo Trung ương các CTMTQG với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong thời gian vừa qua;

- Báo cáo của Chính phủ về kết quả 03 năm thực hiện Chương trình (Báo cáo số 511/BC-CP ngày 04/10/2023);

- Kiến nghị của cử tri và đại biểu Quốc hội tại các kỳ họp Quốc hội.

Theo giải trình của Ủy ban Dân tộc (văn bản số 2306/UBDT-VPCTMTQG ngày 09/12/2023), việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình sẽ giải quyết được những khó khăn, vướng mắc hiện nay tại các Dự án 4, Dự án 5, Dự án 6, Dự án 7 (một số đối tượng thụ hưởng tại các dự án này nằm ngoài địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo phân định tại Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và cơ chế phân bổ, bố trí vốn thực hiện Chương trình, sẽ thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân của Chương trình. Sau khi được Quốc hội phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình, Ủy ban Dân tộc sẽ khẩn trương phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh Quyết định đầu tư Chương trình, bảo đảm đáp ứng tiến độ thực hiện Chương trình.

Ủy ban Dân tộc chịu trách nhiệm về các nội dung giải trình về sự cần thiết điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình như nêu trên. Trường hợp được Quốc hội phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, đề nghị Ủy ban Dân tộc khẩn trương phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan triển khai các thủ tục tiếp theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, bảo đảm tiến độ thực hiện Chương trình.

4. Về thẩm định các nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư

Tại Tờ trình số 1770/TTr-UBDT ngày 03/10/2023, Ủy ban Dân tộc đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình gồm 03 nội dung: (i) phạm vi, (ii) đối tượng của Chương trình và (iii) quy định về cơ chế phân bổ, bố trí vốn.

Sau khi rà soát, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định nhà nước, theo văn bản giải trình số 2306/UBDT-CTMTQG ngày 09/12/2023 của Ủy ban Dân tộc và Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình cập nhật, để bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm theo quan điểm tại Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị, các Nghị quyết: số 88/2019/QH14 và số 120/2020/QH14 của Quốc hội, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình, Ủy ban Dân tộc đề xuất điều chỉnh 02 nội dung về: (i) quy định về cơ chế phân bổ, bố trí vốn và (ii) đối tượng của Chương trình.

4.1. Về điều chỉnh quy định về cơ chế phân bổ, bố trí vốn

Nguồn vốn của Chương trình quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 120/2020/QH14 (*Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025*) được đề xuất điều chỉnh thành: "*Nguồn vốn đầu tư được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; kinh phí sự nghiệp được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định*", do nguồn vốn NSTW của Chương trình bao gồm cả vốn đầu tư và vốn sự nghiệp.

Theo Báo cáo ĐXĐCCTĐT, việc điều chỉnh quy định về cơ chế phân bổ, bố trí vốn như nêu trên nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình lập kế hoạch và phân bổ vốn, bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị quyết của Quốc hội về phân bổ dự toán ngân sách trung ương hằng năm và phù hợp với thực tiễn; đồng thời, không làm thay đổi mục tiêu, chỉ tiêu và quy mô nguồn vốn chung của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025 đã được Quốc hội phê duyệt.

Nội dung đề xuất điều chỉnh như trên nhằm bảo đảm tính rõ ràng và đầy đủ của nguồn vốn thực hiện Chương trình và sự phù hợp với nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Đề nghị Ủy ban Dân tộc trong quá trình thực hiện cần bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về nguyên tắc, cơ chế phân bổ, bố trí vốn ngân sách nhà nước; nghiên cứu, có giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nội dung của Chương trình, bảo đảm mục tiêu, hiệu quả đầu tư Chương trình.

4.2. Về điều chỉnh đối tượng của Chương trình

Tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội giao Chính phủ: *chỉ đạo xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi theo quan điểm, mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế quản lý, điều hành quy định tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.*

Điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 88/2019/QH14 quy định đối tượng điều chỉnh: *Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.*

Theo Báo cáo ĐXĐCCTĐT, trong quá trình thực hiện Chương trình, một số đối tượng thụ hưởng tại Dự án 4, Dự án 5, Dự án 6, Dự án 7 nằm ngoài địa

bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; do hiện nay Nghị quyết số 120/2020/QH14 chưa quy định rõ đối với các đối tượng này, dẫn đến khó khăn trong thực hiện, ảnh hưởng đáng kể đến tiến độ giải ngân vốn của Chương trình.

Do đó, Ủy ban Dân tộc đề xuất bổ sung một số đối tượng nằm ngoài địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo phân định tại Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ) vẫn được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của Chương trình, cụ thể bao gồm:

(i) 10 đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực dân tộc thuộc tiểu dự án 2 Dự án 4 gồm: Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Nha Trang, Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc, Đại học Tây Bắc, Đại học Tây Nguyên, Đại học Tân Trào;

(ii) Các Trường Dân tộc nội trú cấp huyện (đóng trên địa bàn các thị trấn, trung tâm huyện, thị xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số), các Trường Dân tộc nội trú cấp tỉnh (đóng trên địa bàn trung tâm tỉnh, thành phố của tỉnh, thành phố có đồng bào dân tộc thiểu số) thuộc tiểu dự án 1 Dự án 5;

(iii) Một số di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số (trên địa bàn các xã, thị trấn không thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số được phân định theo trình độ phát triển);

(iv) 30 Trung tâm y tế huyện vùng miền núi khó khăn, khoảng cách địa lý khó khăn với tuyến tỉnh (trong số 62 huyện nghèo).

Theo văn bản giải trình số 2306/UBND-CTMTQG ngày 09/12/2023 của Ủy ban Dân tộc và Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình cập nhật: các đối tượng nêu trên đều thuộc đối tượng của Chương trình tại các Dự án 4, Dự án 5, Dự án 6, Dự án 7 theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đã được phê duyệt nhưng chưa được ghi rõ tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội. Việc điều chỉnh, làm rõ các đối tượng như trên không làm thay đổi mục tiêu, chỉ tiêu và quy mô nguồn vốn của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025, bảo đảm được sự thống nhất giữa đối tượng thụ hưởng chính sách với địa bàn đầu tư; không làm phát sinh tăng đối tượng thụ hưởng chính sách, đồng thời tháo gỡ những vướng mắc trong việc thực hiện các nội dung của Dự án (nguyên tắc bố trí vốn, giải ngân, thanh quyết toán...) cho các đối tượng nêu trên trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; không dẫn đến sự trùng lặp về phạm vi, địa bàn với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác; chỉ điều chỉnh, bổ sung và quy định rõ đối tượng cụ thể để triển khai thực hiện đầu tư, hỗ trợ theo các dự án,

tiểu dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban Dân tộc chịu trách nhiệm về các nội dung giải trình nêu trên; đồng thời, rà soát, chịu trách nhiệm về việc các đơn vị nêu trên thuộc nội dung, đối tượng, phạm vi của Chương trình theo đúng quan điểm, nguyên tắc, nội dung quy định tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội; rà soát, bảo đảm không bỏ sót đối tượng thuộc Chương trình. Các nội dung đề xuất điều chỉnh cần bảo đảm hiệu quả, khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn, tránh lãng phí, tiêu cực theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 100/2023/QH15 của Quốc hội.

5. Về các giải pháp thực hiện Chương trình sau điều chỉnh

Báo cáo ĐXĐCCTĐT cập nhật đã đề cập một số giải pháp thực hiện Chương trình sau điều chỉnh về: công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình; huy động nguồn lực; công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình; công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thực hiện; đẩy mạnh hợp tác quốc tế tham gia thực hiện Chương trình. Tuy nhiên, các giải pháp đề cập còn chung chung, chủ yếu nêu về nguyên tắc. Trong bước tiếp theo, đề nghị Ủy ban Dân tộc nghiên cứu, bổ sung những giải pháp cụ thể hơn, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả thực hiện.

6. Về tác động, hiệu quả Chương trình sau điều chỉnh

Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình đã đánh giá một số tác động, hiệu quả của Chương trình sau điều chỉnh như sau:

- Việc điều chỉnh đối tượng thực hiện của Chương trình sẽ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và bảo đảm sự thống nhất giữa chủ trương đầu tư với nội dung đầu tư Chương trình, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn thực hiện Chương trình, đưa chính sách vào cuộc sống, để đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh, sinh viên... được thụ hưởng đầy đủ các chính sách của Chương trình (giải quyết các nút thắt về giao, phân bổ và thanh toán, quyết toán vốn). Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình không phát sinh tác động tiêu cực trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

- Chương trình điều chỉnh được phê duyệt và tổ chức thực hiện sẽ có những tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, góp phần khắc phục khó khăn, vướng mắc hiện nay, tạo điều kiện giải ngân theo đúng quy định nguồn vốn của các dự án, tiểu dự án

- Chương trình sau khi được phê duyệt điều chỉnh và tổ chức triển khai thực hiện sẽ đạt được đa mục tiêu về kinh tế - xã hội; quốc phòng - an ninh; xây

dựng hệ thống chính trị vững mạnh; góp phần củng cố tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình sẽ dẫn tới phải điều chỉnh quyết định đầu tư Chương trình và sửa đổi, bổ sung một số văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất sẽ có ảnh hưởng nhất định đến tiến độ thực hiện Chương trình. Đề nghị Ủy ban Dân tộc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, bảo đảm mục tiêu, hiệu quả đầu tư Chương trình.

V. KIẾN NGHỊ

Đến nay, trên cơ sở Phiếu biểu quyết của 17/21 thành viên Hội đồng đã gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cơ quan thường trực của Hội đồng), kết quả biểu quyết như sau: 17/21 thành viên Hội đồng đồng ý thông qua Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình, chiếm 80,95%, trong đó có: 15 thành viên Hội đồng đồng ý thông qua, không có ý kiến khác và 02 thành viên Hội đồng có ý kiến khác (Bộ Quốc phòng có ý kiến đồng ý thông qua sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu hoặc giải trình rõ ý kiến tham gia⁶, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến đề nghị hoàn thiện lại Phụ lục kèm theo dự thảo Báo cáo về bổ sung việc đã có ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình). Hội đồng đã tiếp thu ý kiến của thành viên là Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông.

Căn cứ kết quả biểu quyết nêu trên, Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình đã đủ điều kiện thông qua (đạt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước đồng ý theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 1202/QĐ-TTg ngày 15/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước). Hội đồng thẩm định nhà nước kiến nghị Chính phủ:

(1) Xem xét, thông qua Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình.

(2) Giao Ủy ban Dân tộc tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước, ý kiến của các thành viên Chính phủ (nếu có); hoàn thiện Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình; thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình.

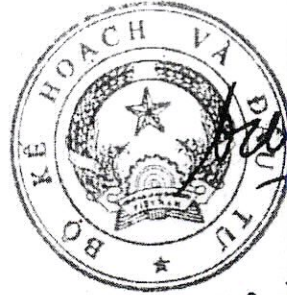
⁶ Thành viên Hội đồng thuộc Bộ Quốc phòng có ý kiến: đồng ý với dự thảo Báo cáo, sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu hoặc giải trình rõ ý kiến của Bộ Quốc phòng và bổ sung đối tượng "đơn vị Quân đội" vào mục 3.2 Phần thứ hai Báo cáo.

Kính trình Chính phủ xem xét, quyết định. *E*

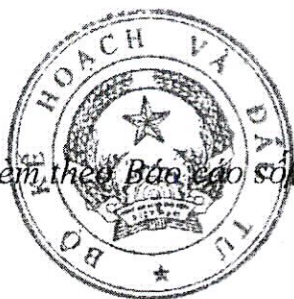
Nơi nhận:

- Như trên (kèm tài liệu theo Danh mục);
- Thủ tướng CP và các Phó Thủ tướng CP (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thành viên HĐTDNN (theo danh sách);
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ; các vụ: THKTQD, KTN, TCTT, KHGDTNMT, QPAN, L&VHXH, KT&PLT, KCHT&ĐT, QLQH;
- Lưu: VT, GS&T&ĐT. (V₂₇)

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



**BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**
Nguyễn Chí Dũng



DANH MỤC TÀI LIỆU

(kèm theo Báo cáo số 1060/BC-HĐTDNN ngày 15/12/2023 của Hội đồng TDNN)

1. Phụ lục. Tóm tắt ý kiến của các thành viên Hội đồng và các cơ quan phối hợp.

2. Bản sao văn bản thẩm định/góp ý của các thành viên Hội đồng và các cơ quan phối hợp, bao gồm:

Ủy ban Dân tộc (văn bản số 2048/UBDT-VPCTMTQG ngày 08/11/2023)

- Bộ Tài chính (văn bản số 12074/BTC-ĐT ngày 06/11/2023)

- Bộ Công Thương (văn bản số 7492/BCT-CTĐP ngày 27/10/2023)

- Bộ Xây dựng (văn bản số 4802/BXD-QLN ngày 24/10/2023)

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (văn bản số 9247/BTNMT-KHTC ngày 30/10/2023)

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (văn bản số 8460/BNN-VPĐP ngày 20/11/2023)

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (văn bản số 5089/LĐTBXH-VPQGGN ngày 27/11/2023)

- Bộ Quốc phòng (văn bản số 3952/BQP-KTe ngày 16/10/2023)

- Bộ Công an (văn bản số 3865/BCA-ANND ngày 24/10/2023)

- Bộ Giao thông vận tải (văn bản số 12485/BGTVT-KHĐT ngày 03/11/2023)

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (văn bản số 5783/BGDĐT-GDDT ngày 18/10/2023)

- Bộ Nội vụ (văn bản số 6083/BNV-CTTN ngày 18/10/2023)

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (văn bản số 4750/BVHTTDL-KHTC ngày 03/11/2023)

- Bộ Y tế (văn bản số 6989/BYT-KHTC ngày 31/10/2023)

- Bộ Tư pháp (văn bản số 5116/BTP-PLDSKT ngày 25/10/2023)

- Bộ Khoa học và Công nghệ (văn bản số 3663/BKHCN-CNN ngày 16/10/2023)

- Bộ Ngoại giao (văn bản số 5271/BNG-THKT ngày 18/10/2023)

- Bộ Thông tin và Truyền thông (văn bản ngày 08/12/2023)

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (văn bản số 8124/NHNN-TD ngày 19/10/2023)

- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (văn bản số 800/LMHTXVN-KHHT ngày 18/10/2023)

- Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (văn bản số 2550/ĐCT-DTTG ngày 13/10/2023)



PHỤ LỤC

TÓM TẮT Ý KIẾN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VÀ CÁC CƠ QUAN PHỐI HỢP
Về Báo cáo ĐXDCTĐT Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng
đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030
(kèm theo Báo cáo số 1060/BC-HĐTDNN ngày 15/12/2023 của Hội đồng
TDNN)

I. Ý KIẾN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TDNN

1. Ủy ban Dân tộc (văn bản số 2048/UBND-VPCTMTQG ngày 08/11/2023)

Hồ sơ Chương trình do Ủy ban Dân tộc trình thẩm định; do đó, Ủy ban Dân tộc thống nhất với các nội dung Báo cáo.

2. Bộ Tài chính (văn bản số 12074/BTC-ĐT ngày 06/11/2023)

a) Về cơ sở đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình

- Đề nghị Ủy ban Dân tộc rà soát các nội dung đề xuất điều chỉnh theo chủ trương của Quốc hội tại Nghị quyết số 100/2023/QH15; việc đề xuất các nội dung điều chỉnh ngoài phạm vi Nghị quyết số 100/2023/QH15 cần đánh giá cụ thể cơ sở đề xuất điều chỉnh, để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chương trình được Quốc hội phê duyệt CTĐT tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021. Đến nay, Chương trình mới thực hiện được 02 năm (năm 2022, năm 2023); tuy nhiên Chương trình gặp nhiều vướng mắc, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, giải ngân nguồn vốn. Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc rà soát tổng thể toàn bộ Chương trình, đánh giá những nhiệm vụ, khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện; xác định trách nhiệm của các đơn vị trong quá trình xây dựng Chương trình, dẫn đến những vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện như hiện nay, rút kinh nghiệm trong xây dựng Chương trình giai đoạn 2026-2030.

- Trên cơ sở đánh giá tổng thể Chương trình, đề nghị Ủy ban Dân tộc nêu rõ những nhiệm vụ khả thi, tổ chức triển khai thực hiện được trong giai đoạn 2021-2025; những nhiệm vụ chưa thực hiện được, phải chuyển sang giai đoạn 2026-2030. Đối với những nội dung đề xuất điều chỉnh cần bổ sung đánh giá tính khả thi trong tổ chức, triển khai thực hiện (việc điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh BCNCKT Chương trình và điều chỉnh các văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện sẽ mất thời gian, trong khi hiện nay đã là cuối năm 2023, ảnh hưởng đến tổ chức triển khai Chương trình nhất là vấn đề giải ngân vốn thực hiện).

b) Về hồ sơ trình thẩm định

- Ủy ban Dân tộc đã thực hiện lập báo cáo điều chỉnh đề xuất CTĐT và có báo cáo thẩm định nội bộ về điều chỉnh đề xuất CTĐT Chương trình theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 34 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14.

- Hồ sơ trình thẩm định cơ bản đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

c) Các nội dung đề nghị điều chỉnh

c1) Nội dung tham gia chung:

Ủy ban Dân tộc đề xuất điều chỉnh 4 nội dung: (1) Phạm vi thực hiện Chương trình (2) Đối tượng thực hiện Chương trình (3) Kinh phí thực hiện Chương trình (4) Đối tượng, phạm vi, nội dung, chỉ tiêu, chỉ tiêu cụ thể của cả 10 Dự án bao gồm một số Tiểu dự án, Nội dung thành phần.

Nội dung báo cáo điều chỉnh bao gồm các nội dung điều chỉnh so với các Nghị quyết của Quốc hội (số 88/2019/QH và số 120/2020/QH14) và các nội dung điều chỉnh so với Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện nay đang thực hiện báo cáo đề xuất điều chỉnh CTĐT để trình Quốc hội phê duyệt; do đó đề nghị Ủy ban Dân tộc rà soát báo cáo rõ các nội dung điều chỉnh so với Nghị quyết của Quốc hội và các nội dung điều chỉnh so với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để báo cáo nội dung phù hợp với từng cấp có thẩm quyền điều chỉnh; tuyệt đối không điều chỉnh phạm vi, đối tượng của Chương trình không theo Nghị quyết số 88/2019/QH và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội.

c2) Về điều chỉnh phạm vi, đối tượng thực hiện Chương trình:

Việc điều chỉnh phạm vi, đối tượng thực hiện Chương trình chỉ để phù hợp với thực hiện một số Dự án, Tiểu dự án thành phần (Tiểu dự án 2 - Dự án 4, Tiểu dự án 1 - Dự án 5, Dự án 6); tuy nhiên nội dung mở rộng chung cho cả 3 Chương trình có thể dẫn đến mở rộng cho toàn bộ các dự án, tiểu dự án thành phần của Chương trình.

Do đó, để đảm bảo nội dung đã xây dựng, đề nghị chỉ điều chỉnh phạm vi, đối tượng cụ thể tại các dự án, tiểu dự án thành phần đang vướng mắc thực hiện, không mở rộng cho toàn bộ Chương trình như đề xuất của Ủy ban Dân tộc.

Ủy ban Dân tộc đề xuất điều chỉnh phạm vi, đối tượng: *Chương trình thực hiện trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn; Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội, các cá nhân tham gia*

thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Chương trình.

Đề xuất nêu trên, phạm vi¹, đối tượng² thực hiện Chương trình được mở rộng. Tuy nhiên, theo báo cáo của Ủy ban Dân tộc, việc điều chỉnh với nội dung trên không làm thay đổi mục tiêu, chỉ tiêu và quy mô nguồn vốn chung của cả Chương trình trong giai đoạn 2021-2025 đã được Quốc hội phê duyệt (vì việc điều chỉnh phạm vi, đối tượng của Chương trình về nguyên tắc sẽ làm tăng vốn bố trí của Chương trình). Vì vậy, đề nghị Ủy ban Dân tộc rà soát lại nội dung đề xuất và nhận định nêu trên, đồng thời có báo cáo cụ thể tác động về phạm vi, đối tượng thực hiện. Riêng đối với đề xuất điều chỉnh phạm vi, đề nghị rà soát đảm bảo không bỏ sót đối tượng.

Ngoài ra, đề nghị đánh giá rõ tác động về việc điều chỉnh phạm vi, đối tượng với việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp lý cũng như các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện của Chương trình; trường hợp vẫn tiếp tục sửa đổi, bổ sung các văn bản sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến việc tổ chức triển khai, nhất là vấn đề giải ngân vốn thực hiện Chương trình.

c3) Kinh phí thực hiện Chương trình

Tại Nghị quyết số 120/2020/QH14, tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2021-2025 tối thiểu là 137.664 tỷ đồng; trong đó Ngân sách trung ương là 104.954 tỷ đồng.

Tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg, dự kiến tổng mức vốn để thực hiện giai đoạn 2021-2025 là 137.664 tỷ đồng; trong đó Ngân sách trung ương là 104.954 tỷ đồng, bao gồm: (i) Vốn đầu tư là 50.000 tỷ đồng (đã được bố trí theo Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025); (ii) Vốn sự nghiệp là 54.324,848 tỷ đồng; (iii) Đối với số vốn còn lại là 629,163 tỷ đồng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí trong quá trình thực hiện Chương trình.

c3.1) Về vốn đầu tư từ ngân sách trung ương: Hiện nay, chưa có chủ

¹ Theo Nghị quyết 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội: “*Đề án thực hiện ở địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”. Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021, theo đó: “*Phạm vi của Chương trình: Trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn), xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”.

² Theo Nghị quyết 88/2019/QH14, Nghị quyết 120/2020/QH14, Quyết định 1719/QĐ-TTg: “*Đối tượng của Chương trình: (i) Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (ii) Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; (iii) Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; (iv) Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (HTX), các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn*”.

trương bổ sung thêm kế hoạch vốn đầu tư công cho Chương trình.

c3.2) Về vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương (NSTW):

- Giai đoạn 2022-2023, kinh phí sự nghiệp NSTW đã bố trí hỗ trợ các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương là 20.046 tỷ đồng (năm 2022 là 5.429 tỷ đồng, năm 2023 là 14.617 tỷ đồng).

- Đối với năm 2024: trên cơ sở số kiểm tra của Bộ Tài chính (tại văn bản số 7569/BTC-NSNN ngày 21/7/2023), Ủy ban Dân tộc đề xuất kinh phí thực hiện Chương trình năm 2024 là 12.087,841 tỷ đồng (bao gồm kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Tiểu dự án 1 - Dự án 3 của Chương trình về hỗ trợ khoán, bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung của năm 2021), thấp hơn số thông báo là 5.051,5 tỷ đồng. Theo đó, Bộ Tài chính đã rà soát trình Chính phủ trình Quốc hội bố trí kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình là 12.087,841 tỷ đồng (bằng số Ủy ban Dân tộc đề xuất).

- Như vậy, trường hợp được Quốc hội chấp thuận, thì giai đoạn 2022-2024 kinh phí sự nghiệp NSTW bố trí thực hiện Chương trình là 32.133,841 tỷ đồng (đạt khoảng 59,15% kế hoạch).

Từ thực trạng nêu trên, đề nghị Ủy ban Dân tộc đánh giá cụ thể tổng mức vốn bố trí theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền với thực tế triển khai cũng như khả năng thực hiện trong các năm còn lại của giai đoạn 2021- 2025; trường hợp cần thiết, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh giảm tổng mức vốn (cùng với việc điều chỉnh phạm vi, đối tượng) để đảm bảo tính khả thi, khả năng giải ngân.

c3.3) Về những khó khăn, vướng mắc bố trí vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và định hướng giai đoạn 2026-2030

Theo quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2021-2025, vốn NSTW là 104,9 nghìn tỷ đồng, trong đó: vốn đầu tư là 50 nghìn tỷ đồng; vốn sự nghiệp 54,3 nghìn tỷ đồng (cơ cấu đầu tư/thường xuyên là 1/1,086). Cơ cấu vốn thường xuyên, cao hơn rất nhiều so với cơ cấu vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, cụ thể như: (i) Cơ cấu vốn đầu tư/thường xuyên của Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới là 3/1; (ii) Cơ cấu vốn đầu tư/thường xuyên của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững là 2,6/1.

Do việc đề xuất cơ cấu nguồn vốn thực hiện Chương trình chưa hợp lý, dẫn đến nhu cầu bố trí vốn sự nghiệp của NSTW năm 2024 chỉ bằng 70,52% so với số kiểm tra của Bộ Tài chính. Vì vậy, đề nghị Ủy ban Dân tộc cần có phân tích, 5 đánh giá kỹ hơn những khó khăn, vướng mắc trong việc bố trí vốn giai đoạn 2021-2025, nhất là cơ cấu đầu tư/thường xuyên; trên cơ sở đó đề xuất điều chỉnh cơ cấu đầu tư/thường xuyên giai đoạn 2026-2030 để đảm bảo khả thi.

Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính rà soát dự kiến nguồn lực của Chương trình giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 cho phù hợp.

c3.4) Về nguyên tắc bố trí vốn

- Theo điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 120/2020/QH14 quy định: *“Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025”*.

- Ủy ban Dân tộc đề xuất: *“Nguồn vốn ngân sách trung ương của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định”*. Đề nghị cân nhắc trình cấp có thẩm quyền bỏ điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 120/2020/QH14 nêu trên (tương tự Nghị quyết số 24/2021/QH15 và số 25/2021/QH15 của Quốc hội phê duyệt CTĐT chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025). Trường hợp sửa đổi, đề nghị sửa lại như sau: *“Nguồn vốn đầu tư được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; kinh phí sự nghiệp được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định”*.

d) Đối tượng, phạm vi, nội dung, chỉ tiêu cụ thể của các Tiêu dự án, Dự án thành phần

Nội dung báo cáo còn sơ sài, đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với các bộ, ngành được phân công chủ trì Dự án, Tiêu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình và các địa phương thực hiện đề:

- Báo cáo các nội dung thay đổi so với các Nghị quyết của Quốc hội (số 88/2019/QH và số 120/2020/QH14) để báo cáo điều chỉnh CTĐT Chương trình, báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

- Báo cáo các nội dung điều chỉnh so với Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ để điều chỉnh BCNCKT Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Bộ Công Thương (văn bản số 7492/BCT-CTĐP ngày 27/10/2023)

Thống nhất các nội dung trong dự thảo Tờ trình và Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình.

4. Bộ Xây dựng (văn bản số 4802/BXD-QLN ngày 24/10/2023)

Thống nhất dự thảo Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường (văn bản số 9247/BTNMT-KHTC ngày 30/10/2023)

- Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Báo cáo và các tài liệu kèm theo (dự thảo Tờ trình, báo cáo đề xuất, báo cáo thẩm định, văn bản kiến nghị,

đề xuất), việc điều chỉnh là cần thiết để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Phần “Sự cần thiết điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình”: nội dung Tờ trình cũng như dự thảo Báo cáo, đơn vị chủ trì soạn thảo cần bổ sung thông tin, dẫn chứng cụ thể, rõ ràng hơn về các vướng mắc, khó khăn, thay đổi trong quá trình thực hiện vừa qua ở khâu thực hiện nào, Bộ ngành, địa phương nào để có đề xuất các nội dung điều chỉnh phù hợp, tương ứng trong phần “Một số nội dung đề xuất điều chỉnh cụ thể”.

6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (văn bản số 8460/BNN-VPĐP ngày 20/11/2023)

- Đề nghị Ủy ban Dân tộc có báo cáo cụ thể đánh giá kết quả thực hiện, mục tiêu đạt được Chương trình trong giai đoạn qua theo các nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021, trong đó cần nêu rõ khó khăn, bất cập, đặc biệt các vướng mắc, kiến nghị sửa đổi của các Bộ, ngành và các địa phương làm căn cứ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình.

- Đề nghị đánh giá tác động của việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình; làm rõ cơ sở, lý do chưa phù hợp phải điều chỉnh kèm số liệu đánh giá từ đó đề nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình đối với các nội dung thay đổi (phạm vi, đối tượng, nguồn vốn, chỉ tiêu cụ thể của các dự án, tiểu dự án,...) cũng như hiệu quả kinh tế, đối tượng hưởng lợi trong thời gian tới.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có các văn bản số: 3661/BNN-KTHT ngày 06/5/2023, 6040/BNN-KTHT ngày 30/8/2023 gửi Ủy ban Dân tộc về đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên trong Báo cáo ĐXĐCCTĐT của Ủy ban Dân tộc chưa có bổ sung, sửa đổi các nội dung theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời chưa có ý kiến giải trình cụ thể. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát bổ sung trong báo cáo đề xuất điều chỉnh Chương trình để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (văn bản số 5089/LĐTBXH-VPQGGN ngày 27/11/2023)

Đề nghị xem xét một số ý kiến cụ thể nêu tại văn bản số 2240/TCGDNN-KHTC ngày 27/10/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ LĐTBXH.

8. Bộ Quốc phòng (văn bản số 3952/BQP-KTe ngày 16/10/2023)

Cơ bản thống nhất với nội dung Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình và có một số đề xuất như sau:

- Sắp tới Chính phủ sẽ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết thí điểm phân cấp trọn gói việc thực hiện 03 Chương trình MTQG cho cấp huyện; do đó, trong giải pháp thực hiện Chương trình sau khi điều chỉnh phải xác định rõ trách nhiệm các cấp chính quyền để đảm bảo triển khai có hiệu quả, phối hợp chặt chẽ giữa Trung ương và địa phương.

- Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung đối tượng của Chương trình như sau:
"Các tổ chức kinh tế, xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị quân đội tham gia thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Chương trình".

9. Bộ Công an (văn bản số 3865/BCA-ANNĐ ngày 24/10/2023)

- Cơ bản nhất trí nội dung hồ sơ đề xuất ĐCCTĐTCT.

- Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá đầy đủ, toàn diện về những ảnh hưởng, tác động về môi trường, xã hội của Chương trình sau điều chỉnh (dự thảo Báo cáo mới đánh giá sơ bộ)

10. Bộ Giao thông vận tải (văn bản số 12485/BGTVT-KHĐT ngày 03/11/2023)

Hồ sơ ĐXĐCCTĐT Chương trình cơ bản đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP. Các nội dung đề xuất điều chỉnh không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ GTVT nên Bộ GTVT không có ý kiến tham gia nội dung chi tiết.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (văn bản số 5783/BGDĐT-GDDT ngày 18/10/2023)

- Cơ bản nhất trí với cấu trúc của toàn bộ dự thảo báo cáo.

- Cơ bản nhất trí sự cần thiết và nội dung (sửa đổi phạm vi, đối tượng, nguyên tắc bố trí kinh phí thực hiện Chương trình) theo đề xuất điều chỉnh. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu, xem xét thêm để đảm bảo tính chặt chẽ, bao quát giữa nội dung đề nghị điều chỉnh phạm vi và điều chỉnh về đối tượng; cụ thể: Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc đóng tại địa bàn thành phố trực thuộc Trung ương không có các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ). Do đó, nội dung đề nghị điều chỉnh phạm vi Chương trình của UBND chưa đảm bảo bao quát và giải quyết triệt để các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chương trình.

12. Bộ Nội vụ (văn bản số 6083/BNV-CTTN ngày 18/10/2023)

- Công tác tín ngưỡng, tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang đặt ra nhiều vấn đề cần nghiên cứu, tổng kết và có chính sách, giải pháp để thực hiện. Hiện nay, trong 10 dự án thành phần chưa có nội dung này, Bộ Nội vụ đề nghị cần nghiên cứu, bổ sung nội dung: *"Thực trạng, giải*

pháp triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”.

2. Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tại tiêu dự án 3 của dự án 10 trong dự thảo Báo cáo thẩm định của Chương trình như sau:

- Nghiên cứu, xây dựng Bộ tài liệu tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, các ngành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tập huấn kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc các cấp giai đoạn 2021-2025.

- Truyền thông, tuyên truyền về công tác dân tộc trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

13. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (văn bản số 4750/BVHTTDL-KHTC ngày 03/11/2023)

Nhất trí hồ sơ ĐXĐCCTĐT Chương trình.

14. Bộ Y tế (văn bản số 6989/BYT-KHTC ngày 31/10/2023)

- Hồ sơ Chương trình được chuẩn bị theo quy định tại Điều 34 Luật Đầu tư công và Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

- Thông nhất Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình.

- Đề nghị nghiên cứu, rà soát và tổng hợp đề xuất của Bộ Y tế tại văn bản số 5442/BYT-KHTC ngày 28/8/2023 về việc đề xuất điều chỉnh nội dung sửa đổi Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (liên quan đến nội dung số 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3).

15. Bộ Tư pháp (văn bản số 5116/BTP-PLDSKT ngày 25/10/2023)

- Nội dung đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình không thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp; văn bản xin ý kiến không nêu các vấn đề vướng mắc pháp lý liên quan (nếu có). Do đó, Bộ Tư pháp không có (và không thể có ý kiến cụ thể).

- Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, thực hiện việc thẩm định, trình cấp có thẩm quyền đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình theo đúng quy định của pháp luật. Trong mọi trường hợp, phối hợp với Ủy ban Dân tộc đánh giá đúng và đầy đủ các vướng mắc, bất cập, từ đó đề xuất điều chỉnh Chương trình

phù hợp, khả thi, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc thẩm định đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

16. Bộ Khoa học và Công nghệ (văn bản số 3663/BKHCN-CNN ngày 16/10/2023)

Thống nhất hồ sơ đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình.

17. Bộ Ngoại giao (văn bản số 5271/BNG-THKT ngày 18/10/2023)

Nhất trí nội dung Báo cáo và các kiến nghị đề xuất.

Trong quá trình triển khai Chương trình, đề nghị cơ quan chủ trì tăng cường công tác tuyên truyền đối nội và đối ngoại, thường xuyên cập nhật số liệu và kết quả đạt được, đảm bảo thống nhất với các báo cáo lớn của Việt Nam trước Liên hợp quốc, như: Báo cáo rà soát quốc gia tự nguyện về thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Việt Nam; báo cáo quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người theo cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ IV.

18. Bộ Thông tin và Truyền thông (văn bản ngày 08/12/2023)

- Thống nhất sự cần thiết điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình.

- Về nội dung đề xuất điều chỉnh:

+ Bổ sung nguyên tắc: việc điều chỉnh chủ trương đầu tư đảm bảo không trùng lặp về nội dung nhiệm vụ và địa bàn thực hiện giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án khác. Đề nghị cơ quan chủ Chương trình nêu rõ trong văn bản và chịu trách nhiệm về kết quả bảo đảm nguyên tắc này.

+ Về điều chỉnh phạm vi thực hiện Chương trình: Đề nghị làm rõ “địa bàn đặc biệt khó khăn” trong phạm vi ưu tiên.

+ Trong đánh giá tác động: Đề nghị có đánh giá tác động cụ thể đến các chương trình MTQG, các chương trình, đề án khác đang triển khai, đánh giá tác động của việc điều chỉnh chủ trương đầu tư đến nguồn vốn, cơ cấu nguồn vốn của Chương trình so với Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội.

19. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (văn bản số 8124/NHNN-TD ngày 19/10/2023)

a) Đối với các nội dung tại Tờ trình số 1770/TTr-UBDT

- Khoản thứ nhất trang 2 Tờ trình số 1770/TTr-UBDT có nêu: “...UBDT thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật về đầu tư công: Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập (gồm đại diện của 27 ban, bộ, ngành, cơ quan ở trung ương)...”:

Qua rà soát, NHNN nhận được Công văn số 1337/UBND-CTMTQG ngày 31/7/2023 của Ủy ban Dân tộc (UBND) về việc đề nghị các Bộ, ngành (trong đó có NHNN) cử đại diện tham gia Ban soạn thảo điều chỉnh nội dung Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (không đề nghị cử đại diện tham gia Tổ biên tập). Về phía NHNN, đã có Công văn số 6167/NHNN-TD ngày 7/8/2023 cử đại diện của NHNN tham gia Ban soạn thảo điều chỉnh nội dung Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

Tuy nhiên, ngày 25/8/2023, UBND ban hành Quyết định số 627/QĐ-UBND về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư và Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Chương trình, gồm đại diện các Bộ, ngành đã cử người theo đề nghị của UBND tại Công văn số 1337/UBND-CTMTQG nêu trên.

Vì vậy, NHNN đề nghị UBND rà soát lại và ban hành Quyết định theo đúng nội dung đã đề nghị các Bộ, ngành cử người tại Công văn số 1337/UBND-CTMTQG, đồng thời chỉnh sửa nội dung tại Tờ trình 1770/TTr UBND để báo cáo Thủ tướng Chính phủ đầy đủ và chính xác về quá trình, tiến độ xây dựng dự thảo Báo cáo.

- Khoản thứ hai trang 2 Tờ trình số 1770/TTr-UBND có nêu: *“Sau khi tổng hợp, phân tích, đánh giá kiến nghị, đề xuất của ban, bộ, ngành, địa phương liên quan, ý kiến của thành viên Ban soạn thảo...”*:

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại và làm rõ tên của Ban soạn thảo, trường hợp là ý kiến của thành viên Ban soạn thảo điều chỉnh nội dung Quyết định số 1719/QĐ-TTg (đã được nêu trên), về phía NHNN không nhận được đề nghị về nội dung xin ý kiến của UBND.

-Tại điểm 1 mục IV trang 6,7 Tờ trình số 1770/TTr-UBND, UBND đề xuất điều chỉnh phạm vi tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 như sau: *“Chương trình thực hiện trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong đó có các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn.”*.

NHNN thấy rằng việc điều chỉnh phạm vi của chương trình có thể dẫn đến việc trùng lặp địa bàn thực hiện với 02 Chương trình MTQG còn lại (giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới). Mặt khác, vấn đề khó khăn về địa bàn thực hiện chỉ tập trung tại một số tiểu dự án (tiểu dự án 2 Dự án 4, tiểu dự án 1 Dự án 5, Dự án 6), không phải khó khăn, vướng mắc cho toàn bộ các dự án, do đó, việc quy định như trên có thể dẫn đến cách hiểu phạm vi của chương trình được mở rộng cho toàn bộ dự án/tiểu dự án thuộc chương trình. Do đó, theo NHNN nên giữ nguyên phạm vi thực hiện chương trình theo quy định tại Nghị quyết số 88, Nghị quyết số 120 để đảm bảo phù hợp với tên gọi của

Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đồng thời bổ sung quy định cho phép các đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục, đào tạo hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc (đóng trên địa bàn ngoài vùng dân tộc thiểu số và miền núi) vẫn được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của chương trình.

- Tại điểm 2 mục IV trang 7,8 Tờ trình số 1770/TTr-UBND, UBND đề xuất điều chỉnh đối tượng của chương trình *“Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn đặc biệt khó khăn”* thành *“Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội, các cá nhân tham gia thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Chương trình”*, theo UBND việc điều chỉnh nội dung nêu trên không làm thay đổi mục tiêu, chỉ tiêu và quy mô nguồn vốn chung của chương trình giai đoạn 2021-2025.

Tuy nhiên, theo NHNN, do có sự mở rộng về đối tượng, phạm vi (bỏ giới hạn địa bàn các xã đặc biệt khó khăn), có thể dẫn đến thay đổi về quy mô, cơ cấu nguồn vốn của từng dự án và quy mô nguồn vốn chung của cả chương trình. Vì vậy, UBND cần rà soát, tính toán lại về số lượng đối tượng, để đảm bảo không làm thay đổi quy mô nguồn vốn so với phê duyệt của Quốc hội tại Nghị quyết số 120/2020/QH14.

- Tại điểm 3 mục IV trang 8,9 Tờ trình số 1770/TTr-UBND về kinh phí thực hiện chương trình, UBND đề nghị điều chỉnh *“Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025”* thành *“Nguồn vốn ngân sách trung ương của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 và Dự toán ngân sách trung ương hàng năm theo quy định”*.

Tuy nhiên, theo NHNN, ngoài nguồn vốn ngân sách trung ương, còn có nguồn vốn của ngân sách địa phương, vốn tín dụng, vốn huy động hợp pháp khác (nguồn vốn ODA; nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài) thực hiện chương trình. Do đó, để đảm bảo đầy đủ quy định của pháp luật về kinh phí thực hiện, NHNN đề xuất điều chỉnh như sau: *“Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025”* thành *“Nguồn vốn của Chương trình được cân đối, bố trí theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan”*.

b) Đối với dự thảo Tờ trình của Chính phủ

Đối với các nội dung tại điểm 1, 2, 3 mục IV trang 5-7 dự thảo Tờ trình về một số nội dung đề xuất điều chỉnh cụ thể (phạm vi thực hiện, đối tượng, kinh phí thực hiện), đề nghị UBND nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của NHNN đã tham gia nêu trên.

c) Đối với dự thảo Báo cáo ĐXĐCCTĐT của Chính phủ

- Tại khổ 2 trang 8, 9 dự thảo Báo cáo có nêu “Thực hiện các bước theo quy định của Luật Đầu tư công, UBND đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư và Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Chương trình MTQG...”: Đề nghị UBND báo cáo đầy đủ và chính xác về tên gọi của Ban soạn thảo theo đúng nội dung đề nghị của UBND đã gửi các Bộ, ngành liên quan tại Công văn số 1337/UBND-CTMTQG (theo ý kiến của NHNN nêu trên).

- Điểm 1, 2 Mục IV trang 9-12, điểm 1 Mục V trang 13 dự thảo Báo cáo đề nghị UBND nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của NHNN đã tham gia nêu trên.

d) Đối với Phụ lục I về dự kiến một số nội dung điều chỉnh đối tượng, phạm vi, nội dung, chỉ tiêu cụ thể của các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình

d1) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Đối với khó khăn về “Chưa quy định rõ đối với hộ mới thoát nghèo nhưng nằm trong danh sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt từ những năm trước (thời điểm chưa thoát nghèo)”:

Tại Dự án 1 Quyết định số 1719/QĐ-TTg quy định đối tượng của dự án bao gồm: Hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt. Ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động.

Theo NHNN, đối với danh sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ những năm trước đến thời điểm triển khai Chương trình MTQG cần được các địa phương rà soát lại để đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng theo chương trình. Đối với đối tượng đã thoát nghèo tại thời điểm rà soát, lập danh sách, không còn thuộc đối tượng thụ hưởng của chương trình. Do đó, đề nghị không đưa nội dung này là một trong những khó khăn, vướng mắc của dự án.

d2) Dự án 4: Đầu tư cơ sở thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc: Đối với khó khăn về “các xã ĐBKK hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới không được thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 861/QĐ-TTg”:

Theo NHNN, các xã này đã được thụ hưởng và hoàn thành mục tiêu xây

dựng nông thôn mới theo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, do đó, không còn thuộc danh sách được thụ hưởng chính sách theo Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Vì vậy, đề nghị không đưa nội dung này là một trong những khó khăn, vướng mắc của dự án.

d3) Ngoài ra, đối với dự kiến điều chỉnh về nội dung, đối tượng của toàn bộ các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, do định mức hỗ trợ không thay đổi. Vì vậy, NHNN đề nghị UBND thực hiện rà soát, tính toán lại về số lượng đối tượng thụ hưởng, để đảm bảo không vượt quá tổng quy mô chung, cơ cấu nguồn vốn (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tín dụng chính sách, vốn huy động hợp pháp khác) đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội.

II. CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN KHÁC ĐƯỢC XIN Ý KIẾN

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (văn bản số 800/LMHTXVN-KHHT ngày 18/10/2023)

- Cơ bản nhất trí nội dung hồ sơ.

- Qua thực tiễn phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN cho thấy cần thiết phải hỗ trợ thúc đẩy phát triển các tổ chức sản xuất gắn với phát triển mô hình hợp tác xã vì:

+ Vùng DTTS&MN có điều kiện về diện tích, đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng,... để phát triển sản xuất nhưng diện tích canh tác phân bố không đồng đều, bình quân mỗi hộ dưới 0,8ha; chỉ có tổ chức sản xuất theo mô hình HTX mới có khả năng tập trung ruộng đất, sản xuất gắn với chuỗi giá trị, cạnh tranh trên thị trường;

+ HTX kiểu mới được thành lập theo nguyên tắc tự nguyện; hỗ trợ nhau phát triển, phù hợp với tập quán và trình độ sản xuất của người dân;

+ Kinh tế tập thể, HTX đóng góp cho phát triển KTXH trong các lĩnh vực: kinh tế - xã hội - môi trường - văn hóa - cơ sở chính trị.

Liên minh HTX đề xuất: bổ sung *Tiểu dự án 4: Phát triển phương thức tổ chức sản xuất vùng đồng bào DTTS&MN gắn với phát triển mô hình HTX* vào Dự án 3.

2. Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (văn bản số 2550/ĐCT-DTTG ngày 13/10/2023)

Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung đối với Dự án 8.

3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (văn bản số 12282/NHNo-TD ngày 19/10/2023)

Nhất trí với các nội dung Báo cáo ĐXĐCCTĐTCT./.

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2023

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

- Họ và tên thành viên Hội đồng: Nguyễn Chí Dũng

- Đơn vị công tác: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

☐

2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

☐

3. Ý kiến khác (nếu có):

.....
.....
.....
.....

Ký và ghi rõ họ tên



Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2023

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

- Họ và tên thành viên Hội đồng: Trần Quốc Phương
- Đơn vị công tác: Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



3. Ý kiến khác (nếu có):

.....
.....
.....
.....

Ký và ghi rõ họ tên



Trần Quốc Phương

Số: 12485 / BGTVT-KHĐT

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Kế hoạch thẩm định của HĐĐNN và ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nhận được các văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 8746/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 23/10/2023 đề nghị có ý kiến đối với Kế hoạch thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư (CTĐT) Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Chương trình); số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023 đề nghị có ý kiến thẩm định Hồ sơ đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình. Sau khi nghiên cứu, thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước Bộ GTVT có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với nội dung dự thảo Kế hoạch thẩm định và dự thảo Quyết định phê duyệt Kế hoạch thẩm định.

2. Ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình.

Hồ sơ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư của Chương trình cơ bản đầy đủ theo quy định tại khoản 3, Điều 11 của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Các nội dung đề xuất điều chỉnh không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ GTVT, do vậy Bộ GTVT không có ý kiến tham gia nội dung chi tiết. Đề nghị Cơ quan chủ trì tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành liên quan và các địa phương để hoàn thiện dự thảo Tờ trình và Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình của Chính phủ trình Quốc hội.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên.
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHĐT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Duy Lâm



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12074/BTC-ĐT

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2023

V/v thẩm định Báo cáo đề
xuất điều chỉnh chủ trương
đầu tư CTMTQG Phát triển
KTXH vùng ĐBDTTS&MN
giai đoạn 2021-2030

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023 về việc xin ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (theo các văn bản số 1811/UBND-VPCTMTQG ngày 06/10/2023 và số 1770/TTr-UBND ngày 03/10/2023 của Ủy ban Dân tộc). Về việc này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

I. Về cơ sở đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình

1. Tại Nghị quyết số 100/2023/QH15 thông qua ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV, tại mục 2.2 - Đối với lĩnh vực dân tộc: *"Trong năm 2023, nghiên cứu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh một số mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn, tránh lãng phí, tiêu cực."*

Đề nghị Ủy ban Dân tộc rà soát các nội dung đề xuất điều chỉnh theo chủ trương của Quốc hội tại Nghị quyết số 100/2023/QH15; việc đề xuất các nội dung điều chỉnh ngoài phạm vi Nghị quyết số 100/2023/QH15 cần đánh giá cụ thể cơ sở đề xuất điều chỉnh, để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021. Đến nay, Chương trình mới thực hiện được 02 năm (năm 2022, năm 2023); tuy nhiên Chương trình gặp nhiều vướng mắc, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, giải ngân nguồn vốn.

Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc rà soát tổng thể toàn bộ Chương trình, đánh giá những nhiệm vụ, khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện; xác định trách nhiệm của các đơn vị trong quá trình xây dựng Chương trình, dẫn đến những vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện như hiện nay, rút kinh nghiệm trong xây dựng Chương trình giai đoạn 2026-2030.

3. Trên cơ sở đánh giá tổng thể Chương trình, đề nghị Ủy ban Dân tộc nêu rõ những nhiệm vụ khả thi, tổ chức triển khai thực hiện được trong giai đoạn 2021-2025; những nhiệm vụ chưa thực hiện được, phải chuyển sang giai đoạn 2026-2030. Đối với những nội dung đề xuất điều chỉnh cần bổ sung đánh giá tính khả thi trong tổ chức, triển khai thực hiện (việc điều chỉnh chủ trương đầu

tư, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình và điều chỉnh các văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện sẽ mất thời gian, trong khi hiện nay đã là cuối năm 2023, ảnh hưởng đến tổ chức triển khai Chương trình nhất là vấn đề giải ngân vốn thực hiện).

Trường hợp, đánh giá điều chỉnh chủ trương đầu tư của Chương trình là cần thiết, đủ cơ sở pháp lý và đảm bảo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, thúc đẩy giải ngân nguồn vốn, Bộ Tài chính tham gia một số nội dung cụ thể tại mục II và III văn bản này.

II. Về hồ sơ trình thẩm định

- Ủy ban Dân tộc đã thực hiện lập báo cáo điều chỉnh đề xuất chủ trương đầu tư và có báo cáo thẩm định nội bộ về điều chỉnh đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 34 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14.

- Hồ sơ trình thẩm định cơ bản đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

III. Các nội dung đề nghị điều chỉnh

1. Nội dung tham gia chung

Ủy ban Dân tộc đề xuất điều chỉnh 4 nội dung:

- (1). Phạm vi thực hiện Chương trình
- (2). Đối tượng thực hiện Chương trình
- (3). Kinh phí thực hiện Chương trình

(4). Đối tượng, phạm vi, nội dung, chỉ tiêu, chỉ tiêu cụ thể của cả 10 Dự án bao gồm một số Tiêu dự án, Nội dung thành phần

Nội dung báo cáo điều chỉnh bao gồm các nội dung điều chỉnh so với các Nghị quyết của Quốc hội (số 88/2019/QH và số 120/2020/QH14) và các nội dung điều chỉnh so với Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện nay đang thực hiện báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư để trình Quốc hội phê duyệt; do đó đề nghị Ủy ban Dân tộc rà soát báo cáo rõ các nội dung điều chỉnh so với Nghị quyết của Quốc hội và các nội dung điều chỉnh so với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để báo cáo nội dung phù hợp với từng cấp có thẩm quyền điều chỉnh; tuyệt đối không điều chỉnh phạm vi, đối tượng của Chương trình không theo Nghị quyết số 88/2019/QH và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội.

2. Về điều chỉnh phạm vi, đối tượng thực hiện Chương trình

Việc điều chỉnh phạm vi, đối tượng thực hiện Chương trình chỉ để phù hợp với thực hiện một số Dự án, Tiêu dự án thành phần (Tiêu dự án 2 - Dự án 4, Tiêu dự án 1 - Dự án 5, Dự án 6); tuy nhiên nội dung mở rộng chung cho cả

Chương trình có thể dẫn đến mở rộng cho toàn bộ các dự án, tiểu dự án thành phần của Chương trình.

Do đó, để đảm bảo nội dung đã xây dựng, đề nghị chỉ điều chỉnh phạm vi, đối tượng cụ thể tại các dự án, tiểu dự án thành phần đang vướng mắc thực hiện, không mở rộng cho toàn bộ Chương trình như đề xuất của Ủy ban Dân tộc.

Ủy ban Dân tộc đề xuất điều chỉnh phạm vi, đối tượng: *Chương trình thực hiện trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn; Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội, các cá nhân tham gia thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Chương trình.*

Đề xuất nêu trên, phạm vi¹, đối tượng² thực hiện Chương trình được mở rộng. Tuy nhiên, theo báo cáo của Ủy ban Dân tộc, việc điều chỉnh với nội dung trên không làm thay đổi mục tiêu, chỉ tiêu và quy mô nguồn vốn chung của cả Chương trình trong giai đoạn 2021-2025 đã được Quốc hội phê duyệt (việc điều chỉnh phạm vi, đối tượng của Chương trình về nguyên tắc sẽ làm tăng vốn bố trí của Chương trình). Vì vậy, đề nghị Ủy ban Dân tộc rà soát lại nội dung đề xuất và nhận định nêu trên, đồng thời có báo cáo cụ thể tác động về phạm vi, đối tượng thực hiện. Riêng đối với đề xuất điều chỉnh phạm vi, đề nghị rà soát đảm bảo không bỏ sót đối tượng.

Ngoài ra, đề nghị đánh giá rõ tác động về việc điều chỉnh phạm vi, đối tượng với việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp lý cũng như các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện của Chương trình; trường hợp vẫn tiếp tục sửa đổi, bổ sung các văn bản sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến việc tổ chức triển khai, nhất là vấn đề giải ngân vốn thực hiện Chương trình.

3. Kinh phí thực hiện Chương trình

Tại Nghị quyết số 120/2020/QH14, tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2021-2025 tối thiểu là 137.664 tỷ đồng; trong đó Ngân sách trung ương là 104.954 tỷ đồng.

Tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg, dự kiến tổng mức vốn để thực hiện giai đoạn 2021-2025 là 137.664 tỷ đồng; trong đó Ngân sách trung ương là 104.954 tỷ đồng, bao gồm: (i). Vốn đầu tư là 50.000 tỷ đồng (đã được bố trí theo Nghị

¹ Theo Nghị quyết 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội: "*Đề án thực hiện ở địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*" Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021, theo đó: "*Phạm vi của Chương trình: Trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn), xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*".

² Theo Nghị quyết 88/2019/QH14, Nghị quyết 120/2020/QH14, Quyết định 1719/QĐ-TTg: "*Đối tượng của Chương trình: (i) Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (ii) Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; (iii) Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; (iv) Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (HTX), các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn*".

quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025); (ii). Vốn sự nghiệp là 54.324,848 tỷ đồng; (iii). Đối với số vốn còn lại là 629,163 tỷ đồng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí trong quá trình thực hiện Chương trình.

3.1. Về vốn đầu tư từ ngân sách trung ương: Hiện nay, chưa có chủ trương bổ sung thêm kế hoạch vốn đầu tư công cho Chương trình.

3.2. Về vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương (NSTW):

- Giai đoạn 2022-2023, kinh phí sự nghiệp NSTW đã bố trí hỗ trợ các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương là 20.046 tỷ đồng (năm 2022 là 5.429 tỷ đồng, năm 2023 là 14.617 tỷ đồng).

- Đối với năm 2024: trên cơ sở số kiểm tra của Bộ Tài chính (tại văn bản số 7569/BTC-NSNN ngày 21/7/2023), Ủy ban Dân tộc đề xuất kinh phí thực hiện Chương trình năm 2024 là 12.087,841 tỷ đồng (bao gồm kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Tiểu dự án 1 - Dự án 3 của Chương trình về hỗ trợ khoán, bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung của năm 2021), thấp hơn số thông báo là 5.051,5 tỷ đồng. Theo đó, Bộ Tài chính đã rà soát trình Chính phủ trình Quốc hội bố trí kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình là 12.087,841 tỷ đồng (bằng số Ủy ban Dân tộc đề xuất).

- Như vậy, trường hợp được Quốc hội chấp thuận, thì giai đoạn 2022-2024 kinh phí sự nghiệp NSTW bố trí thực hiện Chương trình là 32.133,841 tỷ đồng (đạt khoảng 59,15% kế hoạch).

Từ thực trạng nêu trên, đề nghị Ủy ban Dân tộc đánh giá cụ thể tổng mức vốn bố trí theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền với thực tế triển khai cũng như khả năng thực hiện trong các năm còn lại của giai đoạn 2021-2025; trường hợp cần thiết, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh giảm tổng mức vốn (cùng với việc điều chỉnh phạm vi, đối tượng) để đảm bảo tính khả thi, khả năng giải ngân.

3.3. Về những khó khăn, vướng mắc bố trí vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và định hướng giai đoạn 2026-2030

Theo quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2021-2025, vốn NSTW là 104,9 nghìn tỷ đồng, trong đó: vốn đầu tư là 50 nghìn tỷ đồng; vốn sự nghiệp 54,3 nghìn tỷ đồng (cơ cấu đầu tư/thường xuyên là 1/1,086). Cơ cấu vốn thường xuyên, cao hơn rất nhiều so với cơ cấu vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, cụ thể như: (i) Cơ cấu vốn đầu tư/thường xuyên của Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới là 3/1; (ii) Cơ cấu vốn đầu tư/thường xuyên của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững là 2,6/1.

Do việc đề xuất cơ cấu nguồn vốn thực hiện Chương trình chưa hợp lý, dẫn đến nhu cầu bố trí vốn sự nghiệp của NSTW năm 2024 chỉ bằng 70,52% so với số kiểm tra của Bộ Tài chính. Vì vậy, đề nghị Ủy ban Dân tộc cần có phân tích,

đánh giá kỹ hơn những khó khăn, vướng mắc trong việc bố trí vốn giai đoạn 2021-2025, nhất là cơ cấu đầu tư/thường xuyên; trên cơ sở đó đề xuất điều chỉnh cơ cấu đầu tư/thường xuyên giai đoạn 2026-2030 để đảm bảo khả thi.

Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính rà soát dự kiến nguồn lực của Chương trình giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 cho phù hợp.

3.4. Về nguyên tắc bố trí vốn

- Theo điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 120/2020/QH14 quy định: *"Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025"*.

- Ủy ban Dân tộc đề xuất: *"Nguồn vốn ngân sách trung ương của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định"*.

Đề nghị cân nhắc trình cấp có thẩm quyền bỏ điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 120/2020/QH14 nêu trên (tương tự Nghị quyết số 24/2021/QH15 và số 25/2021/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025). Trường hợp sửa đổi, đề nghị sửa lại như sau: *"Nguồn vốn đầu tư được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; kinh phí sự nghiệp được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định"*.

4. Đối tượng, phạm vi, nội dung, chỉ tiêu cụ thể của các Tiểu dự án, Dự án thành phần

Nội dung báo cáo còn sơ sài, đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với các bộ, ngành được phân công chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình và các địa phương thực hiện đề:

- Báo cáo các nội dung thay đổi so với các Nghị quyết của Quốc hội (số 88/2019/QH và số 120/2020/QH14) để báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình, báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

- Báo cáo các nội dung điều chỉnh so với Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ để điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND;
- Các Vụ: HCSN, NSNN;
- Lưu: VT, ĐT, (Mình Hằng, 5).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3952** /BQP-KTe

Hà Nội, ngày **16** tháng **10** năm 2023

V/v tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
Số:...	52074.....
ĐẾN	Ngày: 18.10.2023
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc đáp Công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (Chương trình).

Bộ Quốc phòng cơ bản thống nhất với nội dung Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình nêu trên và có một số đề xuất sau:

- Thực hiện chủ trương của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch năm 2024; sắp tới Chính phủ sẽ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết thí điểm phân cấp trọn gói việc thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia cho cấp huyện; do đó, trong giải pháp thực hiện Chương trình sau khi điều chỉnh phải xác định rõ trách nhiệm các cấp chính quyền để đảm bảo triển khai có hiệu quả, phối hợp chặt chẽ giữa Trung ương và địa phương.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung đối tượng của Chương trình và trình bày lại như sau: "*Các tổ chức kinh tế, xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị quân đội tham gia thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Chương trình*".

Lý do: Theo quy định tại Khoản 21 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2020 thì "Tổ chức kinh tế là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh". Như vậy, trong tổ chức kinh tế đã bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã.

Các đơn vị quân đội, nhất là các Đoàn Kinh tế quốc phòng, các Binh đoàn đều thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng được giao và thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn chiến lược. Do đó, đề nghị bổ sung đối tượng là các đơn vị quân đội tham gia thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Chương trình.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo./. *zh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- C23, C41, C54;
- BTL Bộ đội Biên phòng;
- Lưu: VT, THBĐ. Th8.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Vũ Hải Sản

Số: 6989 /BYT-KHTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2023

V/v ý kiến thẩm định Báo cáo đề
xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
CTMTQG phát triển KTXH vùng
đồng bào dân tộc thiểu số miền núi
giai đoạn 2021-2030

Kính gửi: Bộ Kế hoạch Đầu tư

Bộ Y tế nhận được Công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030. Sau khi nghiên cứu, rà soát và trên cơ sở ý kiến của Cục Dân số (tại văn bản số 919/TCDS-KHTC ngày 25/10/2023), Cục Quản lý Y dược cổ truyền (tại văn bản số 1660/YDCT-QLD ngày 20/10/2023), Vụ Sức khỏe Bà mẹ- Trẻ em (tại Công văn số 738/BM-TE ngày 16/10/2023); Bộ Y tế có ý kiến như sau:

1. Hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021- 2030 được Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban Dân tộc chuẩn bị theo quy định tại Điều 34 Luật Đầu tư công và Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Bộ Y tế thống nhất với Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi kèm theo Công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023.

3. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc nghiên cứu, rà soát và tổng hợp đề xuất của Bộ Y tế tại Công văn số 5442/BYT-KHTC ngày 28/8/2023 về việc đề xuất điều chỉnh nội dung sửa đổi Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (liên quan đến nội dung số 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3; xin gửi kèm theo).

Bộ Y tế gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/cáo);
- Ủy ban Dân tộc;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC2.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG *Hào*

* Đỗ Xuân Tuyên



Bộ Xây dựng
24-10-2023
16:31:53 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4802/BXD-QLN

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2023

V/v góp ý thẩm định Báo cáo
đề xuất điều chỉnh Chương trình
MTQG Phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào DTTS và miền núi
giai đoạn 2021-2030

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến góp ý thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 được gửi kèm theo: (1) Tờ trình số 1770/TTr-UBND ngày 03/10/2023 của Ủy ban Dân tộc về đề nghị thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình; (2) Dự thảo Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình; (3) Báo cáo thẩm định nội bộ của Ủy ban Dân tộc; (4) Một số tài liệu có liên quan. Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng thống nhất với dự thảo Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- BT Nguyễn Thanh Nghị (để b/cáo);
- Lưu: VT, QLN (2).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG




*Nguyễn Văn Sinh

GS TD

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *546*/BTP-PLDSKT

Hà Nội, ngày *26* tháng 10 năm 2023

V/v Báo cáo đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương
trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng
bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021 - 2030

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
DẾN	Số: <i>54086</i> Ngày: <i>26.10.2023</i>
Chuyển:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trà lời Công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, trên cơ sở thông tin được cung cấp và chức năng, nhiệm vụ, Bộ Tư pháp có một số ý kiến sơ bộ như sau:

1. Nội dung đề xuất điều chỉnh chương trình đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 là các vấn đề kinh tế, tài chính, kỹ thuật không thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Trong khi đó, Công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT không nêu các vấn đề vướng mắc pháp lý liên quan (nếu có). Do đó, Bộ Tư pháp không có (và không thể có) ý kiến ý cụ thể. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham khảo ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội... báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về mặt pháp lý, Nghị quyết số 100/2023/QH15 thông qua ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV có nêu: "Trong năm 2023, nghiên cứu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh một số mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn, tránh lãng phí, tiêu cực" (mục 2.2). Khoản 1 Điều 34 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: "Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình"; trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với Chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Đầu tư công năm 2019 "Đối với chương trình đầu tư công thực hiện theo quy định tại các điều 19. 20. 21.

22, 25 và 27 của Luật này", cụ thể: Điều 19 (trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia); Điều 20 (Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia); Điều 21 (Thủ tục và nội dung thẩm tra chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia)... và các quy định về đề xuất điều chỉnh chương trình được quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Vì vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, thực hiện việc thẩm định, trình cấp có thẩm quyền đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo đúng quy định của pháp luật.

Trong mọi trường hợp, đề nghị Quý Bộ phối hợp với Ủy ban Dân tộc (là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030) đánh giá đúng và đầy đủ các vướng mắc, bất cập, từ đó đề xuất điều chỉnh Chương trình mục tiêu quốc gia này phù hợp, khả thi, đảm bảo thiết thực hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc thẩm định đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về việc thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham khảo, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Trần Tiến Dũng (để báo cáo);
- PVT. Cao Đăng Vinh (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (LĐASTH, Nhân).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ



Nguyễn Thanh Tú

Số: 9247 /BTNMT-KHTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

V/v tham gia ý kiến đối với Báo cáo đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc đáp Công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Báo cáo và các tài liệu kèm theo (dự thảo Tờ trình, báo cáo đề xuất, báo cáo thẩm định, văn bản kiến nghị, đề xuất), việc điều chỉnh là cần thiết để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Phần “Sự cần thiết điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình”: nội dung Tờ trình cũng như dự thảo Báo cáo, đơn vị chủ trì soạn thảo cần bổ sung thông tin, dẫn chứng cụ thể, rõ ràng hơn về các vướng mắc, khó khăn, thay đổi trong quá trình thực hiện vừa qua ở khâu thực hiện nào, Bộ ngành, địa phương nào đề có đề xuất các nội dung điều chỉnh phù hợp, tương ứng trong phần “Một số nội dung đề xuất điều chỉnh cụ thể”.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.BN



Số: 6083 /BNV-CTTN

V/v tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề
xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình), Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Công tác tín ngưỡng, tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang đặt ra nhiều vấn đề cần nghiên cứu, tổng kết và có chính sách, giải pháp để thực hiện. Hiện nay, trong 10 dự án thành phần chưa có nội dung này, Bộ Nội vụ đề nghị cần nghiên cứu, bổ sung nội dung: "Thực trạng, giải pháp triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030".

2. Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 tại tiểu dự án 3 của dự án 10 trong dự thảo Báo cáo thẩm định của Chương trình như sau:

- Nghiên cứu, xây dựng Bộ tài liệu tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, các ngành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tập huấn kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc các cấp giai đoạn 2021-2025.

- Truyền thông, tuyên truyền về công tác dân tộc trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

Bộ Nội vụ tham gia ý kiến, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, hoàn chỉnh báo cáo, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Triệu Văn Cường;
- Lưu: VT, Vụ CTTN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Triệu Văn Cường

CS TH

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5271 /BNG-THKT

V/v cho ý kiến thẩm định đối với Báo cáo
đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: ...52715...

ĐẾN Ngày: 19.10.2023

Chuyên:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư và ký hiệu HS:

Phúc công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023 của Quý Bộ về việc cho ý kiến đối với Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi là Chương trình), trong phạm vi lĩnh vực phụ trách, Bộ Ngoại giao xin có ý kiến sau:

1. Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình nhằm khắc phục các khó khăn, vướng mắc, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để đảm bảo Chương trình được triển khai khả thi, phù hợp với thực tiễn và đảm bảo hiệu quả. Vì vậy, Bộ Ngoại giao nhất trí với nội dung Báo cáo và các kiến nghị đề xuất.

2. Trong quá trình triển khai Chương trình, đề nghị cơ quan chủ trì tăng cường công tác tuyên truyền đối nội và đối ngoại, thường xuyên cập nhật số liệu và kết quả đạt được, đảm bảo thống nhất với các báo cáo lớn của Việt Nam trước Liên hợp quốc, như: Báo cáo rà soát quốc gia tự nguyện về thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Việt Nam; báo cáo quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người theo cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ IV.

Bộ Ngoại giao xin trao đổi để Quý Bộ tham khảo và tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị: CLS, TCQT;
- Lưu: HC, THKT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Hằng

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 3663 /BKHCN-CNN

V/v thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh
CTĐT Chương trình MTQG Phát triển kinh tế -
xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi giai đoạn 2021-2030

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 2387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023 của Quý Bộ về việc xin ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ chương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau: Thống nhất với Hồ sơ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Trên đây ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ xin gửi Quý Bộ để tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CNN.



BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

★ Nguyễn Hoàng Giang

Số: 5783 /BGDDĐT-GDDT

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023

V/v: cho ý kiến thẩm định Dự thảo Báo cáo
đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình
MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào
DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) nhận được Công văn số 8387/BKHĐT-GSTDDT ngày 09/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định Dự thảo Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Dự thảo Báo cáo). Bộ GDĐT có ý kiến như sau:

1. Cấu trúc của Dự thảo Báo cáo là phù hợp, đảm bảo tính logic giữa các phần, mục và thống nhất trong toàn bộ văn bản. Bộ GDĐT cơ bản nhất trí với cấu trúc của Dự thảo Báo cáo.

2. Về nội dung Dự thảo Báo cáo: Bộ GDĐT cơ bản nhất trí với sự cần thiết và nội dung (sửa đổi phạm vi, đối tượng, nguyên tắc bố trí kinh phí thực hiện Chương trình) đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Tuy nhiên, Cơ quan chủ trì xây dựng Dự thảo Báo cáo cần nghiên cứu, xem xét thêm để đảm bảo tính chặt chẽ, bao quát giữa nội dung đề nghị điều chỉnh phạm vi và điều chỉnh về đối tượng. Cụ thể là:

- Tại điểm c mục 1 Phần IV của Dự thảo Báo cáo có nêu: Để làm rõ phạm vi, địa bàn đầu tư chung của cả Chương trình trên địa bàn cả nước, đề xuất điều chỉnh phạm vi tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 như sau: "*Chương trình thực hiện trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Trong đó tập trung ưu tiên đầu tư có địa bàn đặc biệt khó khăn.*";

- Tại điểm c mục 2 Phần IV của Dự thảo Báo cáo có đề xuất điều chỉnh, bổ sung đối tượng đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc;

- Tại điểm b mục 1 Phần IV của Dự thảo Báo cáo có nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án của Chương trình; trong đó có khó khăn, vướng mắc khi triển khai Tiểu dự án 2, Dự án 4 (Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc) bao gồm: Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương,

Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Nha Trang, Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80, Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc, Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Đại học Tây Bắc và Trường Đại học Tân Trào. Tuy nhiên, Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc đóng tại địa bàn thành phố trực thuộc Trung ương không có các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ). Do đó, với đề nghị điều chỉnh về phạm vi Chương trình nêu trên vẫn chưa đảm bảo bao quát và giải quyết triệt để các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chương trình.

Trên đây là ý kiến của Bộ GDĐT đối với nội dung có liên quan tại Dự thảo Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030. Trân trọng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, Vụ GDDT.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Phạm Ngọc Thường

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công Thương
Thời gian: 10.2023 15:3

Số: **7492/BCT-CTĐP**

V/v tham gia ý kiến thẩm định đối
với Dự thảo Tờ trình và Dự thảo
Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ
trương đầu tư Chương trình mục
tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi giai đoạn 2021-2030

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Công Thương nhận được Công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT) về việc ý kiến thẩm định đối với Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Báo cáo), Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

Thông nhất với các nội dung trong Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Báo cáo.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ TTIN;
- Lưu: VT, CTĐP.



KT. BỘ TRƯỞNG
THỊ TRƯỞNG

Phan Thị Thắng

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3865 /BCA-ANNĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2023

V/v tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo
đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia phát
triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030

KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
Số: ... 53830	
Ngày: 25.10.2023	
Huyện:	
Và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tham gia ý kiến đối với Hồ sơ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình-mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Bộ Công an trao đổi như sau:

1. Cơ bản nhất trí với nội dung Hồ sơ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (Chương trình).

2. Về dự thảo Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình: Tại trang 16 có mục "*VII. Phân tích, đánh giá sơ bộ những ảnh hưởng, tác động về môi trường, xã hội của Chương trình sau điều chỉnh*". Như vậy, dự thảo Báo cáo chưa đánh giá được đầy đủ, toàn bộ những ảnh hưởng, tác động về môi trường, xã hội của Chương trình sau điều chỉnh (chỉ đánh giá sơ bộ). Do đó, Bộ Công an đề nghị Ban Soạn thảo Hồ sơ cần bổ sung nội dung đánh giá đầy đủ, toàn diện về những ảnh hưởng, tác động về môi trường, xã hội của Chương trình sau điều chỉnh.

Bộ Công an trao đổi Quý cơ quan để tập hợp./. *ly*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng Tô Lâm (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ (để theo dõi);
- Lưu: VT, ANNĐ (P4). TC (03b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Thượng tướng Lương Tam Quang

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12282/NHNo-TD

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2023

V/v Tham gia ý kiến về thẩm định Báo cáo đề
xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình MTQG
Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Số: 534.94...
ĐẾN Ngày: 24.10.2023
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Văn bản số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) có ý kiến như sau:

1. Agribank nhất trí với các nội dung của Báo cáo đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

2. Kính đề nghị Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và các Bộ ngành tiếp tục sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản về cơ chế chính sách tín dụng đối với các đối tượng được thụ hưởng của Chương trình trong giai đoạn 2021-2030 phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- PTGD phụ trách TD;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VP, TKTH, PC, TD. (08) *ay*

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phùng Thị Bình

Số: 8124 /NHNN-TD

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2023

V/v ý kiến thẩm định Báo cáo đề
xuất điều chỉnh CTĐT Chương
trình MTQG phát triển kinh tế - xã
hội vùng ĐBDTTS và miền núi giai
đoạn 2021-2030

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) nhận được Công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 9/10/2023 về việc xin ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư (ĐXĐCCTĐT) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Chương trình). Tuy nhiên, hiện nay, Hội đồng thẩm định Nhà nước để tổ chức thẩm định Báo cáo ĐXĐCCTĐT Chương trình chưa được thành lập theo quy định. Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và trên cơ sở đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, NHNN có ý kiến đối với hồ sơ ĐXĐCCTĐT Chương trình như sau:

1. Đối với các nội dung tại Tờ trình số 1770/TTr-UBND

1.1. Khoản thứ nhất trang 2 Tờ trình số 1770/TTr-UBND có nêu:
“...UBND thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật về đầu tư công: Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập (gồm đại diện của 27 ban, bộ, ngành, cơ quan ở trung ương)...”:

Qua rà soát, NHNN nhận được Công văn số 1337/UBND-CTMTQG ngày 31/7/2023 của Ủy ban Dân tộc (UBND) về việc đề nghị các Bộ, ngành (trong đó có NHNN) cử đại diện tham gia Ban soạn thảo điều chỉnh nội dung Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (không đề nghị cử đại diện tham gia Tổ biên tập). Về phía NHNN, đã có Công văn số 6167/NHNN-TD ngày 7/8/2023 cử đại diện của NHNN tham gia Ban soạn thảo điều chỉnh nội dung Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

Tuy nhiên, ngày 25/8/2023, UBND ban hành Quyết định số 627/QĐ-UBND về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư và Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Chương trình, gồm đại diện các Bộ, ngành đã cử người theo đề nghị của UBND tại Công văn số 1337/UBND-CTMTQG nêu trên.

Vì vậy, NHNN đề nghị UBND rà soát lại và ban hành Quyết định theo đúng nội dung đã đề nghị các Bộ, ngành cử người tại Công văn số 1337/UBND-CTMTQG, đồng thời chỉnh sửa nội dung tại Tờ trình 1770/TTr-UBND để báo cáo Thủ tướng Chính phủ đầy đủ và chính xác về quá trình, tiến độ xây dựng dự thảo Báo cáo.

1.2. Khoản thứ hai trang 2 Tờ trình số 1770/TTr-UBND có nêu: “Sau khi

tổng hợp, phân tích, đánh giá kiến nghị, đề xuất của ban, bộ, ngành, địa phương liên quan, ý kiến của thành viên Ban soạn thảo...”:

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại và làm rõ tên của Ban soạn thảo, trường hợp là ý kiến của thành viên Ban soạn thảo điều chỉnh nội dung Quyết định số 1719/QĐ-TTg (đã được nêu trên), về phía NHNN không nhận được đề nghị về nội dung xin ý kiến của UBND.

1.3. Tại điểm 1 mục IV trang 6,7 Tờ trình số 1770/TTr-UBND, UBND đề xuất điều chỉnh phạm vi tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 như sau: *“Chương trình thực hiện trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong đó có các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn.”*

NHNN thấy rằng việc điều chỉnh phạm vi của chương trình có thể dẫn đến việc trùng lặp địa bàn thực hiện với 2 Chương trình MTQG còn lại (giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới). Mặt khác, vấn đề khó khăn về địa bàn thực hiện chỉ tập trung tại một số tiểu dự án (tiểu dự án 2 Dự án 4, tiểu dự án 1 Dự án 5, Dự án 6), không phải khó khăn, vướng mắc cho toàn bộ các dự án, do đó, việc quy định như trên có thể dẫn đến cách hiểu phạm vi của chương trình được mở rộng cho toàn bộ dự án/tiểu dự án thuộc chương trình. Do đó, theo NHNN nên giữ nguyên phạm vi thực hiện chương trình theo quy định tại Nghị quyết số 88, Nghị quyết số 120 để đảm bảo phù hợp với tên gọi của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đồng thời bổ sung quy định cho phép các đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục, đào tạo hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc (đóng trên địa bàn ngoài vùng dân tộc thiểu số và miền núi) vẫn được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của chương trình.

1.4. Tại điểm 2 mục IV trang 7,8 Tờ trình số 1770/TTr-UBND, UBND đề xuất điều chỉnh đối tượng của chương trình *“Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn đặc biệt khó khăn”* thành *“Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội, các cá nhân tham gia thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Chương trình”*, theo UBND việc điều chỉnh nội dung nêu trên không làm thay đổi mục tiêu, chỉ tiêu và quy mô nguồn vốn chung của chương trình giai đoạn 2021-2025.

Tuy nhiên, theo NHNN, do có sự mở rộng về đối tượng, phạm vi (bỏ giới hạn địa bàn các xã đặc biệt khó khăn), có thể dẫn đến thay đổi về quy mô, cơ cấu nguồn vốn của từng dự án và quy mô nguồn vốn chung của cả chương trình. Vì vậy, UBND cần rà soát, tính toán lại về số lượng đối tượng, để đảm bảo không làm thay đổi quy mô nguồn vốn so với phê duyệt của Quốc hội tại Nghị quyết số 120/2020/QH14.

1.5. Tại điểm 3 mục IV trang 8,9 Tờ trình số 1770/TTr-UBND về kinh phí thực hiện chương trình, UBND đề nghị điều chỉnh *“Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.”* thành *“Nguồn vốn ngân sách trung ương của Chương*

trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Dự toán ngân sách trung ương hàng năm theo quy định.”

Tuy nhiên, theo NHNN, ngoài nguồn vốn ngân sách trung ương, còn có nguồn vốn của ngân sách địa phương, vốn tín dụng, vốn huy động hợp pháp khác (nguồn vốn ODA; nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài) thực hiện chương trình. Do đó, để đảm bảo đầy đủ quy định của pháp luật về kinh phí thực hiện, NHNN đề xuất điều chỉnh như sau: “*Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.*” thành “*Nguồn vốn của Chương trình được cân đối, bố trí theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.*”

2. Đối với dự thảo Tờ trình của Chính phủ

Đối với các nội dung tại điểm 1, 2, 3 mục IV trang 5-7 dự thảo Tờ trình về một số nội dung đề xuất điều chỉnh cụ thể (phạm vi thực hiện, đối tượng, kinh phí thực hiện), đề nghị UBNDT nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của NHNN đã tham gia tại điểm 1.3, 1.4, 1.5 nêu trên.

3. Đối với dự thảo Báo cáo ĐXCCTĐT của Chính phủ

- Tại khoản 2 trang 8, 9 dự thảo Báo cáo có nêu “*Thực hiện các bước theo quy định của Luật Đầu tư công, UBNDT đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư và Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Chương trình MTOG...*”: Đề nghị UBNDT báo cáo đầy đủ và chính xác về tên gọi của Ban soạn thảo theo đúng nội dung đề nghị của UBNDT đã gửi các Bộ, ngành liên quan tại Công văn số 1337/UBND-CTMTQG (theo ý kiến của NHNN đã được nêu tại điểm 1.1, 1.2 nêu trên).

- Điểm 1, 2 Mục IV trang 9-12, điểm 1 Mục V trang 13 dự thảo Báo cáo đề nghị UBNDT nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của NHNN đã tham gia tại điểm 1.3, 1.4, 1.5 nêu trên.

4. Đối với Phụ lục I về dự kiến một số nội dung điều chỉnh đối tượng, phạm vi, nội dung, chỉ tiêu cụ thể của các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình

4.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Đối với khó khăn về “*Chưa quy định rõ đối với hộ mới thoát nghèo nhưng nằm trong danh sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt từ những năm trước (thời điểm chưa thoát nghèo)*”:

Tại Dự án 1 Quyết định số 1719/QĐ-TTg quy định đối tượng của dự án bao gồm: Hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt. Ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động

duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động.

Theo NHNN, đối với danh sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ những năm trước đến thời điểm triển khai Chương trình MTQG cần được các địa phương rà soát lại để đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng theo chương trình. Đối với đối tượng đã thoát nghèo tại thời điểm rà soát, lập danh sách, không còn thuộc đối tượng thụ hưởng của chương trình. Do đó, đề nghị không đưa nội dung này là một trong những khó khăn, vướng mắc của dự án.

4.2. Dự án 4: Đầu tư cơ sở thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc: Đối với khó khăn về “các xã ĐBKK hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới không được thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 861/QĐ-TTg”:

Theo NHNN, các xã này đã được thụ hưởng và hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới theo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, do đó, không còn thuộc danh sách được thụ hưởng chính sách theo Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Vì vậy, đề nghị không đưa nội dung này là một trong những khó khăn, vướng mắc của dự án.

4.3. Ngoài ra, đối với dự kiến điều chỉnh về nội dung, đối tượng của toàn bộ các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, do định mức hỗ trợ không thay đổi, vì vậy, NHNN đề nghị UBND thực hiện rà soát, tính toán lại về số lượng đối tượng thụ hưởng, để đảm bảo không vượt quá tổng quy mô chung, cơ cấu nguồn vốn (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tín dụng chính sách, vốn huy động hợp pháp khác) đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội.

Trên đây là ý kiến của Ngân hàng Nhà nước gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp./. *ll*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Các cơ quan: VPCP, UBND;
- Lưu: VP, TDCNKT, TD5.(03).DTTrang.

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đào Minh Tú

Số: 800/LMHTXVN-KHHT

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023

Về ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phục đáp Công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 9/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; sau khi nghiên cứu Hồ sơ; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với nội dung của Hồ sơ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.

2. Tuy nhiên, qua thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho thấy cần thiết phải hỗ trợ thúc đẩy phát triển các tổ chức sản xuất gắn với phát triển mô hình hợp tác xã bởi vì các lý do sau:

- Vùng DTTS&MN có điều kiện về diện tích, đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng, ... để phát triển sản xuất nhưng diện tích canh tác phân bố không đồng đều, bình quân mỗi hộ có dưới 0,8 ha; chỉ có tổ chức sản xuất theo mô hình HTX mới có khả năng tập trung ruộng đất, sản xuất gắn với chuỗi giá trị, cạnh tranh trên thị trường;

- HTX kiểu mới được thành lập theo nguyên tắc tự nguyện; hỗ trợ nhau phát triển, phù hợp với tập quán và trình độ sản xuất của người dân;

- Kinh tế tập thể, HTX đóng góp cho phát triển KT-XH trong các lĩnh vực: Kinh tế - Xã hội - Môi trường - Văn hóa - Cơ sở chính trị.

Vì vậy, Liên minh HTX Việt Nam đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét bổ sung vào Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 như sau:

(1) **Tại khoản 6** “Các Dự án thành phần”, mục I “Thông tin chung chương trình” đề nghị **bổ sung thêm Tiểu dự án 4** vào Dự án 3 như sau:

Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

Bổ sung Tiểu dự án 4: *Phát triển phương thức tổ chức sản xuất vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với phát triển mô hình hợp tác xã.*

(2) **Do đó tại số thứ tự thứ 3, Phụ lục I**, đề nghị bổ sung **Tiểu dự án 4:** *Phát triển phương thức tổ chức sản xuất vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với phát triển mô hình hợp tác xã.*

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

Nơi nhận: *h*

- Như Kính gửi;
- Đồng chí Chủ tịch (để b/c);
- Lưu: VT, KHHT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Nghị

Số: 2550/ĐCT-DTTG

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2023

V/v góp ý thẩm định Báo cáo đề xuất điều
chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình
MTQG DTTS & MN giai đoạn 2021-2030

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện yêu cầu văn bản số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT, ngày 09/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Trung ương Hội LHPN Việt Nam cơ bản nhất trí với Hồ sơ đề xuất điều chỉnh. Các nội dung đề xuất điều chỉnh theo hướng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chương trình trong thời gian qua, đặc biệt là việc điều chỉnh phạm vi, địa bàn của Chương trình thực hiện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các xã, thôn vùng đồng bào DTTS & MN sẽ tạo cơ chế thuận lợi cho các ngành, địa phương thực hiện Chương trình. Để làm rõ hơn các nội dung trong các Hồ sơ trình, Hội LHPN Việt Nam có một số ý kiến đề xuất bổ sung, làm rõ hơn một số nội dung sau đây:

1. Tại Phụ lục I - kèm theo Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2021-2030 và Phụ lục I - kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng thẩm định Điều chỉnh Chủ trương đầu tư Chương trình, Hội đề xuất chỉnh sửa, bổ sung đối với Dự án 8 như sau:

- **Đề xuất điều chỉnh:** Đối tượng, địa bàn, nguyên tắc tiêu chí phân bổ vốn, nội dung hoạt động để phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính khả thi (trong đó, đề xuất điều chỉnh, bổ sung: (1) bỏ nội dung phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm tín dụng tự quản chuyển đổi sang tăng cường các hoạt động hỗ trợ tiếp cận tín dụng chính thức nhằm cải thiện cơ hội sinh kế, tăng thu nhập, đảm bảo bình đẳng giới; (2) mô hình hỗ trợ ứng dụng KHCN để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS, *đề xuất chỉnh sửa* "hỗ trợ xây dựng, nâng cao chất lượng các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ (gọi tắt là các mô hình sinh kế) và hỗ trợ ứng dụng KHCN cho các mô hình sinh kế, các doanh nghiệp do nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ tại vùng đồng bào DTTS & MN trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm"; (3) thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người, *điều chỉnh*

thành “Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người, phụ nữ bị bạo lực gia đình, phụ nữ khuyết tật, di cư lao động không an toàn/lấy chồng nước ngoài trở về, phụ nữ có nguy cơ cao bị mua bán, phụ nữ thuộc hộ nghèo”.

- Về khó khăn, vướng mắc tại mục a.8, đề xuất sửa như sau:

+ Tại gạch đầu dòng thứ 2 sửa lại: Việc hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số với đối tượng hỗ trợ là các thành viên tổ/ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã do nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ gặp khó khăn do địa bàn triển khai Dự án 8 tại các xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn nên đối tượng được hỗ trợ có ít hoặc không có đối tượng để hỗ trợ.

+ Tại gạch đầu dòng thứ 3 sửa lại: Để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý, phòng tránh rủi ro, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của phụ nữ mô hình Tổ tiết kiệm vay vốn thôn bản tạm dừng chưa triển khai đến khi có đủ cơ sở pháp lý.

Ngoài ra, đề nghị bổ sung biểu tổng hợp chi tiết những khó khăn, vướng mắc và đề xuất điều chỉnh một số nội dung của Chương trình theo văn bản đề xuất của các bộ, ngành, địa phương.

2. Tại Phụ lục I - Kết quả giải quyết các kiến nghị của địa phương theo công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Hội LHPN Việt Nam báo cáo, đề xuất bổ sung thông tin như sau:

Ngoài việc thực hiện Công điện số 71/CĐ-TTg về trả lời kiến nghị của các tỉnh Quảng Trị, Bắc Kạn, Sơn La tại văn bản số 1568/ĐCT-DDTGT ngày 30/3/2023, Hội chủ động ban hành các văn bản hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc theo đề xuất, kiến nghị của địa phương và theo yêu cầu của Chính phủ (đã có báo cáo cụ thể tại văn bản số 2493/ĐCT-DDTGT ngày 03/10/2023 gửi Bộ Kế hoạch Đầu tư), bao gồm:


- Ban hành văn bản số 2128/ĐCT-DDTGT ngày 18/7/2023 thúc đẩy tiến độ triển khai thực hiện Dự án 8 và đáp vướng mắc cho các cấp Hội về đối tượng, địa bàn thực hiện Dự án và vướng mắc liên quan đến Thông tư 15/2022/TT-BTC (Đồng thời thực hiện yêu cầu văn bản số 666/TTg-QHĐP ngày 18/7/2023).

- Ban hành văn bản số 2491/ĐCT-DDTGT ngày 02/10/2023 đề nghị Ủy ban Dân tộc hỗ trợ hướng dẫn làm rõ hơn địa bàn triển khai thực hiện Dự án 8 liên quan đến vướng mắc do sáp nhập các thôn, xã và các xã đang trong quá trình hỗ trợ triển khai các mô hình, hoạt động từ Dự án 8 theo Kế hoạch thì đạt nông thôn mới, không còn thuộc địa bàn theo Quy định.

- Ban hành văn bản số 2492/ĐCT-DTTG ngày 02/10/2023 báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang và Văn phòng Chính phủ về việc (1) ban hành tài liệu hướng dẫn triển khai mô hình, hoạt động thực hiện Dự án 8 ;(2) sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2023 đối với một số nội dung cụ thể liên quan đến mô hình địa chỉ tin cậy, mô hình công nghệ 4.0 và thực hiện giám sát, đánh giá triển khai Dự án 8 (thực hiện theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24/9/2023 của Văn phòng Chính phủ).

- Hội đang hoàn thiện sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2023 của Hội LHPN Việt Nam hướng dẫn thực hiện Dự án 8 trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các bộ, ngành liên quan và các địa phương, dự kiến sẽ ban hành trong tháng 10/2023 để hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Dự án thời gian qua.

Trên đây là một số ý kiến của Hội LHPN Việt Nam góp ý Hồ sơ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG DTTS&MN, trân trọng đề nghị Quý Bộ quan tâm, nghiên cứu, bổ sung để các nội dung Hồ sơ đầy đủ, chặt chẽ hơn.

Trân trọng cảm ơn 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực ĐCT (để b/c);
- VPĐP CTMTQG - UBND;
- Các ban/đơn vị TW Hội (để biết)
- Lưu VT, DTTG.



Tôn Ngọc Hạnh

Số: 4750 /BVHTTDL-KHTC

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2023

V/v góp ý Báo cáo đề xuất điều chỉnh
chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát
triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận được số Công văn số 8746/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc cử thành viên tham gia Hội đồng thẩm định nhà nước, có ý kiến thẩm định hồ sơ, góp ý kế hoạch thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030 (gọi tắt là BCĐCCTĐT chương trình), sau khi nghiên cứu hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

1. Ngày 16 tháng 10 năm 2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Công văn số 4389/BVHTTDL-TCCB gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về cử cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định nhà nước BCĐCCTĐT chương trình.

2. Đối với kế hoạch thẩm định và hồ sơ thẩm định BCĐCCTĐT chương trình: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất với dự thảo kế hoạch thẩm định và hồ sơ thẩm định BCĐCCTĐT chương trình.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./. *G*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Văn hóa dân tộc;
- Lưu: VT, KHTC, QK.

KT. BỘ TRƯỞNG
TRƯỞNG

Trịnh Thị Thủy
Trịnh Thị Thủy

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~2048~~ /UBDT-VPCTMTQG

V/v ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện đề nghị tại Công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Chương trình).

Ủy ban Dân tộc là cơ quan được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì, phối hợp với các ban, bộ, ngành, địa phương liên quan tham mưu xây dựng Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình. Ngày 03 tháng 10 năm 2023, Ủy ban Dân tộc đã có Tờ trình số 1770/TTr-UBDT trình Thủ tướng Chính phủ về đề nghị thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước, thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình; Công văn số 1811/UBDT-VPCTMTQG ngày 06 tháng 10 năm 2023 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc cung cấp hồ sơ thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình.

Về hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình, Ủy ban Dân tộc không bổ sung, điều chỉnh nội dung, tài liệu gửi kèm theo Tờ trình số 1770/TTr-UBDT ngày 03 tháng 10 năm 2023 và Công văn số 1811/UBDT-VPCTMTQG ngày 06 tháng 10 năm 2023.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Dân tộc về hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./. *HTR*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT (để b/c);
- Công TTĐT UBDT;
- Lưu VT, VPCTMTQG (03). *g*

**KT. BỘ TRƯỞNG CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



V. Vinh Tor

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5089/LĐTBXH-VPQGGN
V/v thẩm định hồ sơ và góp ý về Kế hoạch
thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh
CTĐT Chương trình MTQG phát triển
KTXH vùng đồng bào DTTS&MN
giai đoạn 2021-2030

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư


Trả lời Công văn số 8387/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/10/2023, Công văn số 8746/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 23/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định hồ sơ và góp ý về Kế hoạch thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Chương trình MTQG DTTS), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Kế hoạch thẩm định của Hội đồng và dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch thẩm định, đề nghị xem xét một số ý kiến cụ thể như sau:

a) Cụ thể nội dung cần thẩm định về Tờ trình, hồ sơ kèm theo Tờ trình, báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, các nội dung khác.

b) Bổ sung về: thời gian, trách nhiệm của Hội đồng, thành viên Hội đồng.

2. Về hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG DTTS, đề nghị xem xét một số ý kiến cụ thể (chi tiết tại Công văn số 2240/TCGDNN-KHTC ngày 27/10/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi kèm theo).


Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi quý Bộ để tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Tổng cục GDNN;
- Vụ: KHTC, BĐG;
- Lưu: VT, VPQGGN_(2b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Lê Văn Thanh

Số: ~~2240~~/TCGDNN-KHTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2023


V/v tham gia ý kiến Báo cáo đề xuất điều
chỉnh chủ trương đầu tư CTMTQG phát
triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
DTTS&MN giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo

Trả lời Công văn số 629/CV-VPQGGN ngày 11/10/2023 của Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo về việc xin ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 (CTMTQG DTTS&MN), Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã nghiên cứu Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư CTMTQG DTTS&MN¹ và có ý kiến như sau:

1. CTMTQG DTTS&MN được xây dựng trên cơ sở Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019. Do vậy, để bảo đảm thống nhất và tính pháp lý trong việc đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư CTMTQG DTTS&MN tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội, đề nghị Ủy ban Dân tộc báo cáo Chính phủ đề xuất Quốc hội lồng ghép điều chỉnh phạm vi, đối tượng tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội.

2. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại dự thảo Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư CTMTQG DTTS&MN (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).


Tên đây là ý kiến của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, gửi Quý Văn phòng để tổng hợp báo cáo lãnh đạo Bộ./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Tấn Dũng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Văn Thanh (để b/c);
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH




Khương Thị Nhân

¹ Hồ sơ kèm theo Công văn số 8387/BKHĐT-GSĐĐT ngày 09/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Phụ lục
ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH, SỬA ĐỔI MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI DỰ
THẢO BÁO CÁO ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
CTMTQG DTTS&MN

(Kèm theo Công văn số 2240 /TCGDNN-KHTC ngày 27 tháng 10 năm 2023
của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

I. Tại điểm b mục 1 phần IV (điều chỉnh phạm vi thực hiện Chương trình) của dự thảo, đề nghị bổ sung đánh giá khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Tiểu dự án 3, Dự án 5 “Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi” để làm cơ sở sửa đổi, bổ sung Tiểu dự án sau khi chủ trương đầu tư của Chương trình được điều chỉnh, cụ thể:

“Tại Tiểu dự án 3, Dự án 5 “Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi” thì đối tượng thụ hưởng Chương trình, gồm:

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;”

Như vậy, (1) người dân tộc thiểu số có nhu cầu học nghề không sinh sống trên địa bàn 3.434 xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ (vùng DTTS&MN) không thuộc đối tượng của Tiểu dự án 3 và (2) các cơ sở giáo dục nghề nghiệp không có trụ sở tại 3.434 xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng DTTS&MN không thuộc đối tượng hỗ trợ tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học.

Thực tế triển khai, do các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ yếu có trụ sở tại huyện lỵ/tỉnh lỵ, không đóng trực tiếp tại các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng DTTS&MN. Theo thống kê hiện nay trên địa bàn 51 tỉnh có xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng DTTS&MN chỉ có 42 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (gồm: 20/221 trường Cao đẳng (chiếm 9%) và 22/137 trường trung cấp (chiếm 15%)) có địa chỉ trụ sở đặt trực tiếp tại các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc 21/51 tỉnh vùng DTTS&MN.

Ngoài ra, có 148/437 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (được thành lập trên cơ sở sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện theo Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015) là các cơ sở thực hiện chức năng đào tạo nghề nghiệp có địa chỉ trụ sở đặt trực tiếp tại các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc 31/51 tỉnh vùng DTTS&MN. Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên này không phải là cơ sở giáo dục nghề nghiệp mà là cơ sở giáo dục thường xuyên (theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Giáo dục) nên không thuộc đối tượng thụ



hường của Tiểu dự án 3. Tuy nhiên, đây là các đơn vị được sáp nhập từ cơ sở dạy nghề và có chức năng thực hiện chức năng đào tạo giáo dục nghề nghiệp² trên địa bàn huyện.”

II. Tại mục 5 Phụ lục I (Dự kiến một số nội dung đề xuất điều chỉnh đối tượng, phạm vi, nội dung), đề nghị sửa đổi, bổ sung Tiểu dự án 3, Dự án 5 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

- Tại tiết a mục 5 Phụ lục I (Khó khăn, vướng mắc): đề nghị bổ sung khó khăn vướng mắc tại Tiểu dự án 3, Dự án 5 nêu trên.

- Tại tiết b mục 5 Phụ lục I (Dự kiến điều chỉnh, bổ sung nội dung hoạt động, phạm vi, đối tượng, tổ chức thực hiện các tiểu dự án... để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện), đối với Tiểu dự án 3, Dự án 5 đề nghị điều chỉnh, bổ sung như sau:

1. Về mục tiêu

Sửa đổi “Hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.” thành “Hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, **cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên** tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.”

2. Về đối tượng

- Sửa đổi “Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;” thành “Người lao động là **người dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh có xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**”.

- Sửa đổi “Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;” thành “Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, **Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025**; cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;”

3. Về nội dung

- Sửa đổi “Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số;” thành “Chuẩn hóa kỹ năng lao động, **đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia**; kết nối hiệu quả

² Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề và giải quyết việc làm; **gắn đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia với đào tạo, tự đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề tại doanh nghiệp và cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số và người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

- Sửa đổi "Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo;" thành "Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, **Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập cấp huyện trên địa bàn tỉnh có xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025: Phát triển, xây dựng, chỉnh sửa chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy các chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Giáo dục nghề nghiệp**; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo;"

- Sửa đổi "Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án và xây dựng phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án." thành

"+ Thông tin, tuyên truyền; điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu đào tạo, việc làm; tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh có xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

+ Kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án và xây dựng

phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện *Tiểu dự án*."

4. Về trách nhiệm của Ủy ban dân dân cấp tỉnh đề nghị bổ sung nhiệm vụ "Ủy ban nhân cấp tỉnh có trách nhiệm đánh giá, rà soát nhu cầu đào tạo và hiện trạng cơ sở vật chất, năng lực đào tạo theo từng ngành, nghề của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên để quyết định hỗ trợ về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo trong kế hoạch ngân sách được phân bổ bảo đảm hiệu quả."

Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
BÁO CÁO ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH CHỦ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN
TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030

Kính gửi: Hội đồng Thẩm định nhà nước thẩm định báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

Trên cơ sở Hồ sơ báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 gửi kèm Công văn số 9771/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 22/11/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tôi có một số ý kiến sau:

1. Thống nhất sự cần thiết đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Chương trình) trên cơ sở hồ sơ báo cáo của cơ quan Chủ chương trình đề xuất.

2. Về nội dung đề xuất điều chỉnh:

a) Bổ sung nguyên tắc đề xuất điều chỉnh, trong đó có nguyên tắc: Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư đảm bảo không trùng lặp về nội dung nhiệm vụ và địa bàn thực hiện giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án khác đang thực hiện:

Trên cơ sở đó, đề nghị cơ quan chủ chương trình nêu rõ trong văn bản và chịu trách nhiệm về kết quả rà soát đảm bảo nguyên tắc này.

b) Về điều chỉnh phạm vi thực hiện Chương trình

- Đề xuất của chủ Chương trình: *“Chương trình thực hiện trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Trong đó ưu tiên đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn”*

Đề nghị làm rõ “địa bàn đặc biệt khó khăn” trong phạm vi ưu tiên để thống nhất với các văn bản do các cấp có thẩm quyền đã ban hành, thuận lợi cho việc triển khai áp dụng.

c) Trong đánh giá tác động:

Đề nghị có đánh giá tác động cụ thể đến các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án khác đang triển khai; đánh giá tác động của việc điều chỉnh chủ trương đầu tư đến nguồn vốn, cơ cấu nguồn vốn của Chương trình so với Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội.

Đề nghị cơ quan chủ Chương trình nghiên cứu ý kiến nêu trên trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư của Chương trình theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG



Bùi Hoàng Phương

Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông



HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2023

PHIẾU Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

- Họ và tên thành viên Hội đồng: Trần Quý Kiên

- Đơn vị công tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

☒

2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

☐

3. Ý kiến khác (nếu có):

.....

Ký và ghi rõ họ tên

Trần Quý Kiên

Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

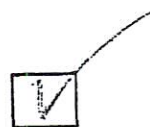
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2023

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

- Họ và tên thành viên Hội đồng: Triệu Văn Cường
- Đơn vị công tác: Thủ trưởng Bộ Nội vụ

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất
điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc
gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu
số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo
cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình
mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



3. Ý kiến khác (nếu có):

.....
.....
.....
.....

Ký và ghi rõ họ tên

CS

Triệu Văn Cường

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

- Họ và tên thành viên Hội đồng: ... Lương Tam Quang

- Đơn vị công tác: ... Thủ tướng Bộ Công an

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



3. Ý kiến khác (nếu có):

Ký và ghi rõ họ tên

Lương Tam Quang

Lương Tam Quang

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC

Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

- Họ và tên thành viên Hội đồng: Thượng tướng Vũ Hải Sơn, Thứ
trưởng Bộ Quốc phòng.

- Đơn vị công tác: Bộ Quốc phòng.

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo
cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương
trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn
2021-2030.

2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định
Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế -
xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021-2030.

3. Ý kiến khác (nếu có): Đồng ý với dự thảo báo cáo, sau khi cơ
quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu hoặc giải trình rõ ý kiến của Bộ Quốc
phòng và bổ sung đối tượng "đơn vị Quân đội" vào mục 3.2. Phần thứ hai
báo cáo./

Ký và ghi rõ họ tên

Thượng tướng Vũ Hải Sơn

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2023

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

Họ và tên thành viên Hội đồng: Nguyễn Minh Hằng

Đơn vị công tác: Bà Ngon giáo

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



3. Ý kiến khác (nếu có):

Ký và ghi rõ họ tên



Nguyễn Minh Hằng

Website: www.dunhambc.com Tel: 01203 735555

Website: www.dunhambc.com Tel: 01203 735555

[illegible]

CHUYÊN SỬ VẤN THÂN HUYỆN HỒI DONG THÂN DÍNH MUA SỰ CỐ

DF02: 1.4.10, half-jet-jet- γ and γ -jet-jet

2000-2001

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. **Định** : Ban chủ tịch tỉnh thành lập Hội vận động viên chuyên môn tương đương cấp Trung tâm cấp tỉnh hoặc cấp huyện, phải miễn kinh phí, chỉ hỗ trợ lương theo đơn vị trước và mức nghỉ chế độ 20% (2010).

1. Khủng động: Báo cáo từ các nhà nghiên cứu cho thấy rằng việc sử dụng thuốc lá có thể làm tăng nguy cơ mắc bệnh ung thư, đặc biệt là ung thư phổi. Tuy nhiên, việc sử dụng thuốc lá cũng có thể làm giảm nguy cơ mắc bệnh tim mạch.

3. Yếu tố khác (cũ)

304-2XONT-CTA



Dǎo Xīn Tú

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2023

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

Họ và tên thành viên Hội đồng: Trần Hồng Thái

Đơn vị công tác: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



3. Ý kiến khác (nếu có):

Không

Ký và ghi rõ họ tên


Trần Hồng Thái

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2023

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

Họ và tên thành viên Hội đồng: Lê Văn Thanh
Đơn vị công tác: Thủ tướng Bộ LĐ-TĐ & XH

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

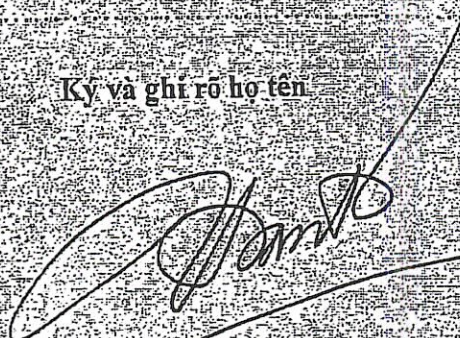


2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



3. Ý kiến khác (nếu có)

Ký và ghi rõ họ tên



Lê Văn Thanh

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

- Họ và tên thành viên Hội đồng... Đỗ Xuân Tuyên

- Đơn vị công tác... Thủ tướng Bộ Y tế

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



3. Ý kiến khác (nếu có):

Ký và ghi rõ họ tên

Đỗ Xuân Tuyên

Đỗ Xuân Tuyên
Thủ tướng Bộ Y tế

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2021

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC

Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

Họ và tên thành viên Hội đồng: NGUYỄN VĂN SION

Đơn vị công tác: Bộ Xếp hạng

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất
điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc
gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu
số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo
cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình
mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



3. Ý kiến khác (nếu có): Không

Ký và ghi rõ họ tên


Nguyễn Văn Sinh

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2023

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

Họ và tên thành viên Hội đồng: Trình Thị Thủy
Đơn vị công tác: Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất
điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc
gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu
số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo
cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình
mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



3. Ý kiến khác (nếu có):

Ký và ghi rõ họ tên



Trình Thị Thủy

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2023

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

- Họ và tên thành viên Hội đồng: Phạm Ngọc Thường
- Đơn vị công tác: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



3. Ý kiến khác (nếu có):
.....
.....
.....
.....

Ký và ghi rõ họ tên

Chữ ký

Phạm Ngọc Thường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2023

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

- Họ và tên thành viên Hội đồng: ông Nguyễn Duy Lâm

- Đơn vị công tác: Thứ trưởng Bộ GTVT

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



3. Ý kiến khác (nếu có):

.....
.....
.....
.....
.....

Ký và ghi rõ họ tên


Nguyễn Duy Lâm.

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2023

PHIẾU XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
Về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

- Họ và tên thành viên Hội đồng:..... T. VINH TỜ.....
- Đơn vị công tác:..... Thủ trưởng, PCN Ủy ban Dân tộc.....

1. Đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất
điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc
gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu
số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



2. Không đồng ý Báo cáo kết quả thẩm định Báo
cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình
mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.



3. Ý kiến khác (nếu có):

.....
.....
.....
.....

Ký và ghi rõ họ tên



T. Vinh Tờ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TĐNN
Điều chỉnh CTĐT Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng đồng bào
DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030

1. Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2. Ông Trần Quốc Phương, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3. Ông Y Vinh Tor, Thứ trưởng, Phó chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.
4. Ông Cao Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Tài chính
5. Bà Phan Thị Thắng, Thứ trưởng Bộ Công Thương
6. Ông Nguyễn Văn Sinh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng
7. Ông Trần Quý Kiên, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
8. Ông Trần Thanh Nam, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9. Ông Lê Văn Thanh, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
10. Thượng tướng Vũ Hải Sản, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
11. Thượng tướng Lương Tam Quang, Thứ trưởng Bộ Công an
12. Ông Nguyễn Duy Lâm, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải
13. Ông Phạm Ngọc Thương, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
14. Ông Triệu Văn Cường, Thứ trưởng Bộ Nội vụ
15. Bà Trịnh Thị Thủy, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
16. Ông Đỗ Xuân Tuyên, Thứ trưởng Bộ Y tế
17. Ông Trần Tiến Dũng, Thứ trưởng Bộ Tư pháp
18. Ông Bùi Hoàng Phương, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
19. Ông Trần Hồng Thái, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
20. Bà Nguyễn Minh Hằng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao
21. Ông Đào Minh Tú, Phó Thống đốc thường trực Ngân hàng Nhà nước Việt Nam